

Năm thứ hai — Số 60

Tuần-lễ từ thứ tư 19 Août

đến thứ ba 25 Août 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Sĩ-phu với tư-đức	Hoa-Bằng
Phê-bình quyển « Văn-học đời Lý »	Ưng-Hòe Nguyễn văn-Tố
Một chút lịch-sử của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp	Nhân-Nghĩa Nguyễn văn-Tố
Tra nghĩa chữ nho (XIV)	Lê-Thanh
Một giờ với nhà văn Song-An	Nhật-Nham
Hoàng ngọc-Phách (II)	Ưng-Hòe
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, III)	
Những ông nghề triều Lê (XXXIII)	
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXVII)	Nguyễn văn-Tố
Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-diễn (II)	Đào Trọng-Đủ
Vui thú diễn-viên (dịch thơ tây)	Cách-Chi
Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt truyện » (IV)	Thọ-xuân Lê văn-Phúc
Trúc mai sum-hợp (IX)	Chu-Thiên

SĨ-PHỤ VỚI TƯ-ĐỨC

HOA-BÀNG

TƯ-ĐỨC đây, nói nôm ra, tức là «đời tư» Đời tư là đối với đời công (công dư) mà nói.

Là việc xã-hội, viết báo, làm sách chẳng hạn: đó là những việc thuộc đời công.

Việc riêng cá-thể một người, cách ăn nết ở với gia-đình, với bạn hữu: đó là thuộc trong phạm vi đời tư.

Những bậc chân nho xưa rất trọng tư đức. Lấy bản-thân làm đản-vị, họ noi theo từng nước bước trên đường tu, tề, trị, bình.

Họ cho rằng bản thân là trung-tâm điểm của mọi sự. Thân có tu thì gia mới tề, rồi sau mới có thể nói đến quốc trị, thiên-hạ bình được.

Vì họ chú trọng vào việc tu thân, nên cuộc đời họ, họ đặt cái đích giữ-trung để làm phương-hướng đi tới.

Lễ, nghĩa, lễm, sĩ, trung, tín? Những đức ấy họ cho là mấy thứ bảo-vật tối thiêng liêng ở đời, lúc nào họ cũng hương hoa cầu nguyện: đón rước lấy, ôm-ấp lấy.

Việc gì phi lễ, họ không làm, nên cố tránh những sự sắc-dục bất-chính, không đến rồi sa vào những vũng bùn «dâm ô».

Đối với của bất nghĩa, họ không màng, nên cái bả «phủ quí-phù ván» không thể cám-dỗ nổi họ. Thấy việc nghĩa, họ mạnh-bạo làm, dám hăng-hái xông vào ngọn lửa «quốc nạn».

Liêm là một đức tốt đứng đầu sĩ quí. Một khi xuất chính, họ chỉ mong sao giúp ích được nước, làm ơn huệ cho nhuần thãm đến

nhân-dân, thế là họ được thỏa lòng, chứ không mong cổ xây lấy cái lâu đài phú quí bằng dầu-mỡ của kẻ khác. Vì vậy, họ rất sợ cái tiếng tham ô. Suốt đời họ chỉ muốn quí gối trước vị thần Liêm-khiết. Chữ «liêm» đã được họ tôn thờ như vậy, nên một hành-vi, một động tác, họ không dám làm thiệt hại ai cho thân mình được vinh, nhà mình được béo.

Sĩ tức là tấm lòng tu-ổ của con người ta. Một khi lòng ấy lù-mờ, trơ-tráo không biết hổ-thẹn dầu đã nhúng vào những việc làm ám muội, gian-tà, thế là hạng ấy đã mất hết cái tinh-cách làm người rồi đấy. Những bậc chân nho xưa không ăn của lót, không mắc vào những tiếng săn nguyệt cầu hoa, chính vì họ biết trọng chữ «sĩ».

Họ cố giữ trung tín trong mọi việc và đối với mọi người, nên một lời đã hứa, có khi đến chết cũng không thay lòng đổi dạ. Trong lâm-trường-hợp, họ thà ôm bầu cô-trung còn hơn mang tiếng là thất tín.

Những gương sáng ấy hãy còn ~~trên~~ trên trang lịch sử Đại-Nam:

Tô Hiến Thành không tham vàng của Chiêu-Linh thái-hậu (vợ vua Lý Anh-Tông), cương-quyết trong việc giữ cố-mệnh của tiên-đế, giúp ấu chúa Lý-Cao ngồi vững ngai vàng.

Trần Kiên đời vua Trần Nhân 1279-1293 khi làm an-phủ ở Thiên trường, móc họng nôm trả đồ ăn của kẻ thỉnh-thác.

Chu An dưới triều Trần Minh (1314-1329), treo mũ, từ quan, quay về vườn ruộng vì chính kiến

không được nhà vua ứng-dụng, sợ «thất trảm» bị vứt bỏ trong đồng công-văn!

Những nhân-vật như thế thật không thiếu gì trong các triều-đại xưa. Mà xét ra, những «người lịch-sử» ấy sở dĩ lưu truyền được tiếng thơm muôn đời, là vì họ không những giàu công-đức, lại chính vì họ giữ tư-đức được hoàn toàn đấy.

Đời nay, ai cũng phải nhận, hạng sĩ tuy có tiến về mặt tri-thức ít nhiều, nhưng một số đông rất kém về tư-đức.

Theo họ, không có gì đáng tôn-thờ ngoài sắc đẹp; không có gì đáng ham chuộng ngoài tiền tài.

Họ chối kệt hết mọi bổn phận trừ ra lệnh truyền của Dâm-thần.

Họ bịt tai che mắt trước những sự-mạng thiêng liêng trừ ra những tiếng đòi gọi kêu gào của xác thịt.

Lấy né quan-sát, khảo cứu, họ lăn-lóc trong vòng truy-lạc, sống những mẫu đời bê-tha ở các «hộp đêm».

Mượn tiếng phóng-khoáng, tiêu khiển, họ say-sưa trong làn khói thuốc mơ-màng. Rồi họ cứ đưa dần đời họ xuống vực tanh hôi nhơ-nớp.

Họ xướng lên những thuyết nguy biện: không cần phải giữ tư-đức, miễn là đời công lam được việc là đủ rồi.

Rồi họ viện chứng cớ: Talleyrand (1754-1838), mặc dầu đời tư hư hỏng, nhưng có tài ngoại giao, vẫn được kể là một nhân-vật có giá-trị.

Nghĩ vậy, họ vội sống ngay một cuộc đời bừa bãi:

Xem tiếp trang 5

QUYỀN «VĂN-HỌC ĐỜI LÝ»

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

KỖ trước, nhân nói đến bộ *Việt-nam văn-học* của ông Ngô tất-Tổ, tôi có bàn rằng: trước khi đem một bài văn cổ ra dịch, cần phải sưu tập hết các bản in, bản sao, như những bản mà Chính-phủ đã thu-thập cho thư-viện trường Bác-cổ, thư-viện Bảo-đại ở Huế, v. v. Bao giờ xét ra tàm đủ, mới đem đối-chiếu với nhau, xem bản nào đủ, bản nào đúng, theo đấy mà dịch, rồi chép những câu khác nhau thế nào và biên rõ lấy ở bản nào ra, diễn-gải cho phân-minh, để người xem có đủ tài-liệu mà phán-đoán. Ông Ngô tất-Tổ không theo cái phương-pháp ấy, cho nên tập *Văn-học đời Lý* của ông xuất bản hồi đầu năm, có nhiều chỗ chép thiếu và dịch sai: tôi nói qua mấy câu sau này làm thí-dụ.

Đón xem

**Tôn
Thọ
Trường**

một danh-sĩ đất Đồng-Nai
(1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIỆU-SƠN đề tựa,

«... Một công trình có giá trị
« về lịch sử và một tấm gương
« tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM

12, Rue Sabourain, Saigon

phát hành.

I. — Tờ di-chiếu của vua Lý Nhân-Tôn

Tháng chạp năm đinh-vị 1127, hiệu Thiên-phù-khánh-thọ thứ nhất, vua Lý Nhân-tôn, 1072-1127, bị bệnh, vời thái-úy là Lưu Khánh-Đàm vào cung, trao cho tờ chiếu, trong có câu: « Trẫm điện tảo-tuế nhi tự ưng đại-bạo » Sách *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 25 b, và sách *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 4, tờ 17 b, đều in đúng như thế. Ông Ngô tất-Tổ chép thiếu chữ *ưng*, ông lại dịch là: « Trẫm vẫn đau xót từ khi tuổi thơ, đã phải nổi ngôi báu lớn »!

Theo sách *Từ-nguyên*, quyển mao, trang 27, chữ *điệu* có nghĩa là đau thương, nhớ thương, nhưng cũng có khi dùng để nói lúc hãy còn thơ-ấu — « ấu-giã chi xưng »: kinh *Lễ* có câu: « Thất niên viết điệu », nghĩa là bảy tuổi gọi là điệu. Chữ *điệu* ở tờ chiếu chính là nghĩa này: vua Lý Nhân-tôn lên ngôi mới có bảy tuổi, thì câu trong tờ chiếu, theo lối văn nho, lại càng hay lắm. Vậy phải dịch là: « Trẫm khi nhỏ tuổi mà càng nổi ngôi báu lớn », chứ không phải « Trẫm vẫn đau xót từ khi tuổi thơ, đã phải nổi ngôi báu lớn ».

Cũng trong tờ chiếu ấy, ông Ngô tất-Tổ bỏ hẳn câu: « Ô hô ! tang-du dục thế, thốn-quỉ nan đình ; cái-thế khi-từ, thiên-niên vịnh-quyết » chép trong *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 26 a, Câu ấy nghĩa từng chữ là:

« Than ôi ! bóng tang-du muốn đi, tắc-nặng khó dừng lại ; khi-từ người cái-thế, nghìn năm ly-biệt lâu dài » Văn nho thường lấy cây tang-du để ví cảnh già: *Từ-nguyên* chưa rằng « Nhật lạc chi thời, kỳ quang thượng lưu ư tang-du chi thượng », nghĩa là khi mặt trời lặn, bóng sáng còn ở trên cây tang-du: ý nói người chết. Câu « bóng tang-du muốn đi » trong tờ chiếu, trái với nghĩa ở lại, tức là muốn sống lâu.

Tờ chiếu có hai câu hơi tối nghĩa, là câu: « Nhưng người nhĩ thần-thứ, nhất tâm bất-lượng. Tư nhĩ Bà-Ngọc, thực trượng-nhân khí ». Ông Ngô tất-Tổ dịch là: « Và phải nhờ vào bảy tôi, kẻ dân của con giỗ lòng giúp đỡ. Lại hỡi Bà-Ngọc, người thực vẫn có khí-độ người lớn ! » Dịch như thế có lẽ sai, vì *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 4, tờ 17, lược chép hai câu ấy như sau này: « Nhĩ Khánh-Đàm, Bà-Ngọc đẳng, tận tâm giúp phụ », nghĩa là Khánh-Đàm, Bà-Ngọc, các người, hết lòng giúp đỡ. Cứ như thế thì phải dịch là: « Văn trông cậy thần-thứ các người một lòng tin giúp. Ôi ! Bà-Ngọc nhà người, thực là khí-độ trượng-phu ». Câu dưới có chữ *tư*, nghĩa là bàn, là than-thở, là tư hỡi: ở đây phải lấy nghĩa than-thở. Cả hai câu đều là lời vua dặn hai ông phụ-chính, chứ không phải là lời dặn vua con. Đến câu « sức nhĩ qua-mâu », nghĩa là sức sang vũ-khí của các người mới là lời dặn chung cả

vua con và các quan. Ông Ngô tất-Tổ dịch sai, vì không chịu tìm-tòi tra-cứu.

Ông dịch những chữ lật-vật cũng sai nhiều: như câu « hà kỳ hưng ai » nghĩa là « việc gì mà phải khóc », ông dịch là « can gì mà phải thương xót » ! Chữ « hưng ai » ở câu này cũng giống nghĩa chữ « cử ai » trong gia-lễ; nghi-tiết tế tang thường dùng chữ « cử ai » để báo hiếu-tử khóc lên... Cấm khóc còn dễ; chữ cấm thương xót thì nghe chừng khó lắm.

II. — Tờ chiếu thiên-đó của vua Lý Thái-tổ

Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 2 a, chép « năm canh-tuất 1010, hiệu Thuận-thiên thứ nhất, vua Lý Thái-tổ 1009-1028 cho thành Hoa-lư là thấp-trũng chật-hẹp, không đủ làm chỗ ở cho đế-vương, muốn dời đi, tay viết tờ chiếu rằng... » Chữ nho là « thả chiếu viết »: vậy mà ông Ngô tất-Tổ lại hỏi: « Tác-giả là

ai, trong sử không thấy nói đến » !

Ông dịch tờ chiếu cũng có nhiều chỗ sai: như câu « nhà Chu đến Thành-vương ba lần dời kinh-đô », ông cho in là « hai lần »; — câu « để là mưu-kế cho con cháu ức muôn đời », ông dịch là « lo lắng sẵn cho con cháu muôn đời »; — chữ « đất cao mà khô-ráo », ông dịch là « mực đất của nó vừa cao vừa sảng sủa »: chữ nho là « sảng khai »: Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 2 b, đã chua là « cao-láo già », nghĩa là khô-ráo, thế mà còn nhầm được !

III. — Lịch-sử văn-học đời Lý

Ông Ngô tất-Tổ chép sử cũng sai và cũng thiếu nhiều. Tôi trích trong Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục những đoạn sau này để bổ-chính cho mấy trang đầu ở quyển Văn-học đời Lý.

« Tháng tám năm canh tuất

1070, hiệu Thần-vũ thứ hai, đời vua Lý Thánh-tôn, mới dựng văn-miếu ở phía nam thành Thăng-long, nay tức là văn-miếu Hà-nội, tở tượng Chu-công, Khổng-tử và tượng tứ-phối (bốn vị phối-hưởng là Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư, Mạnh-tử), vẽ tượng thất-thập-nhị hiền (72 người học-trò giỏi của đức Khổng) bốn mùa hướng-tự. Vua sai hoàng-thái-tử tới Văn-miếu học. Ngô-Sĩ nói rằng: « Họ Lý được nước đến đây, tức là năm 1070, năm-mười-năm năm, mà việc tôn cúng thánh-hiền mới thấy ở đây, há chẳng phải trước đạo Phật mà sau đạo Nho vậy ru ! » Khâm-định Việt-sử, quyển 8, tờ 30 a.

« Đời Lý xưa kia lập Văn-miếu thờ chung cả đức Chu-công và đức Khổng-tử. Đến tháng chạp năm bính-tý 1165, hiệu Đại-định thứ 17, Tô-hiến-Thành xin lập riêng miếu thờ đức Khổng-tử, vua nghe theo, lập miếu ở phía nam thành Thăng-long » Khâm-định Việt-sử quyển 5, tờ 8 b.

« Năm ất-mão 1075, hiệu Thái-ninh thứ tư, đời vua Lý Nhân-tôn, bắt đầu lấy ba trảng thi học-trò, cách-thức thế nào không rõ; tam-trảng: văn-thức vô khảo, Kén những người thông nghĩa sách minh kinh, học rộng bác học, dâng ba trảng thi học-trò, cho Lê-văn-Thịnh đỡ đầu, vào hầu vua học. Khoa-mục nước ta bắt đầu từ đây. Sách Danh-tiết-lục của Trần-ký-Đềng chép Văn-Thịnh là người làng Đông-cứu, huyện Gia-định, tức là huyện Gia-bình bây giờ, tỉnh Bắc-ninh. Tính ham học. Lúc bấy giờ chưa có khoa-cử, dù có học-trò thông-mẫn, cũng phải do đạo Phật cất lên. Văn-Thịnh một mình ham

Đã xuất bản

Mẹo chữ Hán, một quyển sách rất cần cho người học chữ Hán.	Giá Op.35
Nét mực tình thơ văn của cử-nhân Dương Bá-Trạc.	Giá Op.30
Tiếng gọi đàn (luận thuyết) — id —	Giá Op.30
Đời tài hoa (tập lịch-sử lý kỳ của cụ Nguyễn Hàm-Ninh, bạn đồng thời với các cụ Cao Bá-Quát, Nguyễn Văn-Siêu, Nguyễn Công-Trứ, Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý-Vương). trong sách có tự-lịch cụ Cao Bá-Quát và Tùng Thiện-Vương.	Giá Op.38
Công việc nhà Bểng (sách này rất cần cho các nhà buôn) của Dương Tự-Nguyên.	Giá Op.65
Vạn văn bách tuyển (sách cho trẻ học rất tốt đã in đến lần thứ 5, của Dương Tự-Quán.	Giá Op.50
Tập bài thi bằng sơ học gẫu lược của Dương Quảng-Hàm và Dương Tự-Quán đã in đến lần thứ 7	Giá Op.35
Ấu học pháp tự tân thư, trẻ con mới học chữ Pháp nên dùng quyển này của Đặng đình-Hướng, đã in đến lần thứ 5	Giá Op.15
Mua 1 quyển thêm được thưởng Op.10	
Mua cả, được chung từ Op.28 đến Op.40	
Đề cho: ĐÔNG - TÂY THƯ QUÁN 195, Hàng Bông — Hanoi	

đọc sách, đến đây, tức là năm 1075, mở khoa, dự tuyển hơn mười người. Văn-Thịnh đỗ đầu. Đòi bảy giờ truyền tụng rằng : « Lê-thị phát khôi », « nghĩa là họ Lê đỗ đầu trước tiên » (Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 33 b-34 a).

« Tháng tư năm bính-thìn 1076, hiệu Anh-vũ-chiến-thắng thứ nhất, đời vua Lý Nhân-tôn, đặt nhà Quốc-tử-giám, kén văn-thần có văn-học bỏ vào sách (Đại-Việt chép hơi khác, dưới kia sẽ dịch), chọn kẻ sĩ có tài văn-vũ, cho ra cai-trị quân-dân. » Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 38 a.

« Tháng hai năm đinh-tý 1077, hiệu Anh-vũ-chiến-thắng thứ hai, thi lại-viên, về thư (tập viết,) toán tính, hình-luật ; ai trúng tuyển, bỏ làm quan. » Khâm-định Việt-sử, quyển 3 tờ 40 a.

« Tháng tám năm bính-dần 1086, hiệu Quảng-bộ thứ hai, đời vua Lý Nhân-tôn, kén người văn-học sung viện Hàn-lâm. Mạc-hiền-Tích người làng Long-động, huyện Chí-linh, đỗ đầu, bỏ Hàn-lâm học-sĩ » Khâm-định Việt-sử, quyển 3, tờ 45 a.

« Tháng mười năm nhâm-thân 1152, hiệu Đại-dinh thứ mười-ba, đời vua Lý Anh-tôn, có điện-thí. Sử của Ngô-Sĩ chua rằng : « Thời bấy giờ phép khoa-cử chưa có định-thức ». Có lẽ bấy giờ vua xuống chiếu kén chọn những học-trò trong thiên-hạ, nên vua mới thân-ngự ra thi ở điện-dinh. Nhưng văn-sử chép không rõ, nay không thể khảo-cứ được. » Khâm-định Việt-sử, quyển 5, tờ 5 b.

Tháng tám năm ất-dậu 1165, hiệu Chính-long-bảo-ứng năm thứ ba, đời vua Lý Anh-tôn, thi học-sinh » Khâm-định Việt-sử, quyển 5, tờ 13 a.

« Tháng giêng năm ất-tý 1185, hiệu Trinh-phù thứ mười, đời vua Lý Cao-tôn thi, học-trò sung

vào tòa ngự-diên hầu vua học. » Khâm-định Việt-sử, quyển 5, tờ 22 b.

« Năm ất-mão 1195 hiệu Thiên-tư-gia-thụy thứ mười, đời vua Lý Cao-tôn, mới bắt đầu thi tam giáo : lấy Nho, Đạo, Thích, thi học-trò ; người nào trúng cho xuất thân. » Khâm-định Việt-sử, quyển 5, tờ 26 a.

« Tháng giêng năm đinh-sử 1097, hiệu Hội-phong thứ sáu, vua Lý Nhân-tôn xuống chiếu làm sách Hội-diễn : kiểm-xét so-sánh các điều-lệ trong điển-cũ, chép thành sách cho thi-hành » Khâm-định Việt-sử, quyển 4 tờ 2a.

Ông Ngô tất-Tổ không chép tên quyển sách ấy ; ông nói « năm Anh-vũ chiến-thắng thứ nhất 1076, mới đặt nhà Quốc-tử-giám, và bỏ những người văn-thần có văn-học vào coi (?) nhà ấy ». Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 3, tờ 10 a, chỉ chép rằng « kén quan-viên-văn-chức người nào biết chữ nho vào Quốc-tử-giám » (tuyển văn-chức quan-viên thức tự giả nhập Quốc-tử-giám).

Còn nhiều việc nữa cũng phải đem ra kiểm điểm với các bộ sử chữ nho, thì may mới biết rõ được đôi chút : nếu cứ theo một quyển, thì dễ nhầm, mà không lấy gì làm đích xác.

Riêng về sách quốc văn, xét ra sử học và văn học còn đang ở thời ấu-trĩ, tức là còn phải đi tìm kiếm tài-liệu. Nếu không tìm-kiếm cho cẩn-thận, thì còn lâu mới tới được thời-kỳ cường-tráng, sử là thời-kỳ thường sản-xuất ra những sách soạn theo phép khoa-học, tổng-quát được những thời-kỳ lớn trong lịch-sử, và giúp ích cho cả công-chúng lẫn người chuyên trị về khoa sử học.

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Sĩ-phu với tư-đức

tiếp theo trang 2

Đi tìm khoái-lạc, mặc dầu việc làm có hại đến danh giáo, đến đạo đức.

Quảng hết liêm-sĩ, họ hạ mình làm những việc rất bỉ-đi, rất xấu-xa, không đếm xỉa đến dư-luận chán chính.

Thế mà họ dám lễ công-thị dưới gót giày phạm phũ, đóng vai mặt-sát bậy, tiểu-mạ càn, không còn kiêng-nể chút gì, chẳng hề biết tự trọng là vật chi nữa !

Vẫn biết « tự khi » là quyền riêng của họ Coi khinh tư-đức, lại là « chủ-nghĩa » riêng của họ ?

Nhưng nào họ có biết : đời tư rất có liên-lạc với đời công. Một người tư-đức không trong sạch, dù bề ngoài có làm bộ sốt sắng lo việc xã-hội đi nữa, cũng dễ bị người ta ngờ rằng : « Hắn sẽ lợi-dụng đấy ! »

Không bao giờ người ta có thể tha-thứ được những kẻ lu-bù trong đất rệu trời hoa bằng tiền không phải lấy ở túi riêng mình nhưng lấy ở việc công mà họ dán cho cái lá nhãn tốt đẹp là tinh phi tồn trong khi « giúp việc nghĩa ».

Chưa theo kịp cái tài ngoại giao của Talleyrand, xin ai đừng vội vin lấy phương-diện tư-đức của ông ta mà lột miệng, mà buông mình vào vòng tự bạo tự khi.

..

Tư-đức như chiếc áo lót mình. Ta không thể lấy găm vóc lòe-loẹt bề ngoài mà che đậy được những nhơ-nhớp bề trong nếu áo lót mình của ta cỡ bề những ghét và của tay hoen ố những bề-hời.

Tư-đức như cốt gỗ. Nước sơn bề ngoài dù bóng-bẩy đến đâu rồi cũng có lúc phải bại hư vì những chỗ giác một của-chiếu-bàn nếu cốt gỗ nó không tốt.

HOA-BÀNG

VĂN-ĐỀ « HỌC »

II. — Một chút lịch-sử' của bậc SƠ-ĐẲNG TIÊU-HỌC PHÁP

NHÂN-NGHĨA

CÙNG ở mục này, trong bài trước, tôi đã nói rõ những sự thay đổi hiện nay đang thực-hành trong ban tiêu-học Pháp. Ở Đông-dương, tháng Juin vừa qua đã bắt đầu có kỳ thi lấy bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ». Tháng Septembre sắp tới sẽ có một khóa thi đặc-biệt cũng để lấy bằng ấy. Bắt đầu từ học-khóa 1942 - 1943, các trường cao đẳng tiêu-học Pháp đổi ra làm trường trung-học.

Độc-giả đều biết rằng, theo chế-độ cũ, ban tiêu-học Pháp chia ra hai bậc : sơ-đẳng tiêu học và cao-đẳng tiêu học.

Hôm nay, tôi muốn thuật lại một chút lịch-sử của bậc sơ-đẳng tiêu-

học Pháp, trong khoảng 60 năm gần đây, nói cho đúng, kể từ hai đạo luật ngày 28 Mars 1882, và 30 Octobre 1886, sắc-lệnh và nghị-định ngày 18 Janvier 1887. Từ bấy đến nay, bậc sơ-đẳng tiêu-học Pháp đã được nhiều phen cải-cách bởi nhiều nghị-định của các ông tổng-trưởng bộ Giáo-dục mà quan-trọng nhất có những nghị-định ngày 23 Février 1923, 1er Février 1924 và 23 Mars 1938.

Còn bậc cao-đẳng tiêu-học Pháp sẽ được nói đến trong một bài khác.

..

Qua bao nhiêu lần cải-cách, chắc phải có những điều không hề thay-đổi. Đó là những cái gì có tính cách vĩnh-viễn, đó là nền-tảng trên ấy người ta đã xây-dựng bậc sơ-đẳng tiêu-học. Những cái ấy thì thay đổi làm sao được.

Theo luật cưỡng-bách giáo-dục năm 1882, trẻ con Pháp đủ 6 tuổi 6 ans révolus bắt buộc phải đi học cho đến năm hết 13 tuổi 13 ans révolus.

Các trường sơ-đẳng tiêu-học đều bắt đầu thu-nhận học-sinh năm chúng lên sáu.

Nhưng trước hạn tuổi ấy, ngay từ năm lên hai lên ba, trẻ con Pháp đã được đưa đến các trường «bảo-mẫu» écoles maternelles. Lên bốn lên năm, chúng được vào các lớp «nhì-đồng» (classes enfantines).

Ở hai nơi này, dưới quyền săn-sóc của các nữ-giáo-viên, chúng vừa chơi đùa, vừa được nhận một thứ giáo-dục sơ-khai cho đến khi đủ tuổi vào trường sơ-đẳng tiêu-học.

Theo nghị định ngày 18 Janvier 1887, bậc sơ-đẳng tiêu-học chính-thức chia ra ba lớp : sơ-đẳng trung-đẳng và cao-đẳng. Trường nào cũng bắt buộc phải có đủ ba lớp ấy, không kể số học sinh nhiều ít và nhà trường nhiều buồng hay ít buồng.

Nghị-định ngày 21 Juillet 1921 đặt thêm một lớp dự-bị section préparatoire và chia các lớp học theo hạn tuổi sau này :

Section préparatoire : một năm từ 6 đến 7 tuổi.

Cours élémentaire : hai năm từ 7 đến 9 tuổi.

Cours moyen : hai năm từ 9 đến 11 tuổi.

Cours supérieur : hai năm từ 11 đến 13 tuổi.

Thế nghĩa là ba lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, mỗi lớp chính-thức chia ra hai năm học lère année và 2è année, y như kiểu lớp trung-đẳng bên ta.

Lẽ tất nhiên, không phải trường nào cũng có đủ 7 buồng học và 7 ông giáo để đồng-thời có đủ 7 lớp.

Khoản 11 nghị-định ngày 18 Janvier 1887 định như sau này :

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Ti-kheo kinh	
Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ	
2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10% làm cước phí. — Cũng gửi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25% và khỏl cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN - TRUNG - CÒN
143 - Rue de Louvain, Saigon

Nếu trường chỉ có một buồng và một giáo viên, thì ba lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng học chung; khi ấy mỗi lớp không cần tách riêng làm hai nhưng học sinh vẫn phải học đủ hai năm một lớp.

Nếu trường có được hai buồng và hai giáo-viên, thì một ông coi lớp sơ-đẳng, một ông coi lớp trung-đẳng và cao-đẳng.

Nếu trường có được ba buồng và ba giáo-viên thì ba lớp tổ chức riêng biệt nhau.

Trường có bốn buồng, thì lớp sơ-đẳng lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì, còn hai lớp kia mỗi lớp một buồng.

Trường có năm buồng, thì hai lớp sơ-đẳng và trung-đẳng mỗi lớp lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì, còn lớp cao-đẳng một buồng.

Trường có sáu buồng thì thật hoàn-toàn: mỗi lớp lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì.

Theo chế-độ 1887, sự có một lớp dự-bị không cần lắm vì trước khi vào lớp sơ-đẳng năm 7 tuổi, học sinh đã có thể học đọc, học viết trong các trường «bảo-mẫu» hay lớp «nhi-đồng» rồi. Chế-độ 1921 đặt ra lớp dự-bị để cho các trường sơ-đẳng tiểu-học gánh đỡ một phần công-việc của các trường kia.

Có điều này ta cần phải nhớ: dù trường có một buồng hay nhiều buồng, thời-hạn theo học mỗi lớp sơ-đẳng, trung-đẳng hay cao-đẳng

vẫn là hai năm.

Khoản 12 nghị-định ngày 18 Janvier 1887 có nói rõ như sau này:

« Khi nào một lớp có được hai buồng học, thì một buồng dùng cho năm thứ nhất và một buồng dùng cho năm thứ hai của lớp ấy. Hai năm học của một lớp như thế cùng theo một chương-trình, nhưng bài học và bài làm sẽ xếp đặt đề, trong năm thứ hai, học sinh học lại, học rộng thêm và bổi-bổ những khuyết-điểm của năm thứ nhất »

Thế nghĩa là chương-trình học không tách riêng cái gì học năm thứ nhất cái gì học năm thứ hai, như chương-trình hai lớp trung-đẳng bên ta.

Vì cơ mỗi lớp « chính thức » phải chia ra hai năm, nên năm thứ nhì thường coi như một lớp trung-gian luyện học-sinh lớp dưới cho gỏi thêm đề lên lớp trên. Bởi thế, trong các sách giáo-khoa của Pháp, ta thường thấy cùng một tên sách và tên tác-giả, có hai quyền đề « Cours Élémentaire » và « Cours Moyen » chẳng hạn, thì lại có một quyền đề « Cours Élémentaire et Moyen », tức là quyền dùng cho năm thứ hai của lớp sơ-đẳng (Cours Élémentaire 2e année).

Tôi nhớ khi còn cấp sách đi học, thấy quyền nào đề *Cours Supérieur 1ère et 2ème années* thì yên trí là sách ấy dùng cho lớp cao-

Thông chế Pétain đã nói:

« Oai-lực của vị Quốc-Trưởng vẫn thường đề cho mọi người được trông thấy và cảm thấy. Oai-lực đó chỉ có thể ủy và chia vì những sự cần dùng định nghĩa rõ ràng, mà không làm lẫn-lộn quyền-hành cùng trách-nhiệm ».

đẳng và hai năm thứ nhất thứ hai của bậc cao-đẳng tiểu-học. Mãi sau này mới hiểu rằng đây chỉ là một quyền sách soạn theo chương-trình hai năm của lớp cao-đẳng thôi.

Những điều tôi giảng-giải trên này là cái nền-tảng bất-di bất-dịch của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp, từ khi có những đạo-luật 1882-1886 đến mãi bây giờ mới bị sửa đổi đôi chút như tôi đã nói trong bài trước: bậc thứ nhất trong ban tiểu-học chia ra một lớp dự-bị, hai lớp sơ-đẳng và hai lớp trung-đẳng; bậc thứ hai chia ra hai năm, có gọi là lớp cao-đẳng không thì ta chưa biết chắc.

Còn trong khoảng 60 năm, ba lần cải-cách quan-trọng 1923-1924-1938 đã sửa-đổi những gì?

Một đạo nghị-định ngày 23 Février 1923 sửa lại hẳn chương-trình bậc sơ-đẳng tiểu-học, từ lớp dự-bị đến lớp cao-đẳng.

Một đạo nghị-định nữa cũng ngày ấy sửa đổi cách thi bằng sơ-đẳng tiểu-học.

Một đạo nghị-định ngày 1er Février 1924 thay đổi hẳn nghị-định trên này về bằng sơ-đẳng tiểu-học.

Ngày 28 Mars 1938 có những ba đạo nghị-định: một, cải-cách lần nữa cái bằng sơ-đẳng tiểu-học một sửa đổi chương-trình hai năm lớp cao-đẳng và một đặt

Vừa xuất bản

CHÚ' NHỎ HỌC LẦY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12 Cước đảm b' o Op 82

Thư và mandat đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195 phố Hàng Bông — Hanoi

thêm một lớp nữa gọi là « cours de fin d'études primaires élémentaires » học trong một năm (từ 13 đến 14 tuổi).

Chương-trình hiện nay đang dùng trong bậc thứ nhất ở ban tiểu-học Pháp, từ lớp dự-bị đến lớp trung-đẳng, tức là chương-trình của nghị-định ngày 23 Février 1923, trừ một vài khoản như luân-lý, sử-ký, mà cuộc cải-cách hiện-thời (1942) có sửa-đổi đi đôi chút.

Chương-trình của hai năm lớp cao-đẳng, do một đạo nghị-định ngày 23 Mars 1938 đặt ra, thì nay bãi bỏ rồi, vì bậc thứ nhì trong ban tiểu-học Pháp đã có chương-trình riêng khác hẳn.

Cái lớp kêu là « Cours de fin d'études primaires élémentaires », mới đặt ra năm 1938, bây giờ cũng không còn nữa.

Mục-đích của lớp ấy là thu-nhận những học-sinh đã học qua lớp cao-đẳng nhưng không có ý muốn theo đuổi việc học mãi mãi, nên không lên bậc cao-đẳng tiểu-học hay vào ban trung-học. Họ chỉ có thể ở lớp ấy một năm thôi vì họ muốn từ-giã hẳn học-đường sau khi đủ 14 tuổi.

Bây giờ tôi xin nói đến cái bằng sơ-đẳng tiểu-học Pháp, là khoản

bị sửa-đổi nhiều phen nhất của đạo nghị-định năm 1887.

Trước hết, theo nghị-định này, học hết năm thứ hai lớp trung-đẳng đã có thể thi lấy bằng sơ-đẳng tiểu-học rồi. Vì lẽ ấy không mấy người học thêm lớp cao-đẳng nữa.

Bởi thế, ngày 23 Février 1923, ông Léon Bérard, tổng-trưởng bộ Giáo-dục nước Pháp, mới ký một đạo nghị-định sửa đổi như sau này : kỳ thi lấy bằng sơ-đẳng tiểu-học cũng có hai phần như thi tú-tải ; học hết năm thứ nhì lớp trung-đẳng thi lấy phần thứ nhất, rồi hết năm thứ nhất lớp cao-đẳng thi lấy phần thứ hai.

Cải-cách chưa được một năm, vì dư-luận phản-đối dữ-dội, ngày 1er Février 1924, một đạo nghị-định khác cũng của ông Léon Bérard, dành lại cho kỳ thi có một phần như cũ, chỉ sửa đổi ít nhiều về các bài thi. Thí-sinh phải đủ 12 tuổi (12 ans révolus) tính đến ngày 1er Juillet năm thi. Như vậy, học-sinh nào hết năm thứ hai lớp trung-đẳng mà mới có 11 tuổi, đúng như thể-lệ về hạn tuổi vào lớp, không được thi, lẽ tất nhiên cũng theo lớp cao-đẳng ít nhất trong một năm. Nghị-định ấy còn đặt ra một chương-trình riêng cho kỳ thi, rút ở chương-trình lớp trung-đẳng thêm ít nhiều của lớp cao-đẳng. Vì thế, ta thấy có những sách giáo-khoa đề như thế này : « Cours moyen et certificat d'études ».

Đến đạo nghị-định ngày 23 Mars 1938 thì bắt buộc thí-sinh phải học qua năm thứ nhất lớp cao-đẳng mới được thi, vì chương-trình thi hoàn-toàn lấy ở lớp ấy thôi.

Cuộc cải-cách năm nay lại đặt ra hai bằng cho ban tiểu-học, nhưng riêng biệt hẳn, chứ không

phải hai phần của một bằng như năm 1923 : hết bậc thứ nhất của ban tiểu-học thi lấy bằng «diplôme d'études primaires préparatoires» ; hết bậc thứ hai thi lấy bằng « certificat d'études primaires ». Chương-trình kỳ thi D E P P là chương-trình lớp trung-đẳng. Để được bằng này, học-sinh có thể vào ngay ban trung-học, không bắt buộc phải qua hai năm cuối-cùng ở ban tiểu-học.

Đây, lịch-sử cái bằng sơ-đẳng, tiểu-học Pháp « ly-ký » như vậy. Sau mấy phen cải-cách, ta lại thấy nó quay về chế-độ 1887 ; học hết lớp trung-đẳng là có thể thi rồi.

Trong một bài sau, tôi sẽ nói đến nội-dung chương-trình học và chương-trình thi của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp, so-sánh với bậc học tương-đương ở bên ta.

NHÂN-NGHĨA

Đón coi

Chưa Nguyễn-Ánh có chạy thẩu Côn-lôa không (có bản đề)?

của LÊ THỌ-XUÂN

Cái chết của Trần Tiểu-Thành

của ĐÀO DUY-ANH

Một tình phụ, một hồn thơ

của SONG-CỐI

Ngôi mả hoang

của KIỀU THANH-QUẾ

Phê bình Sự sống của

Lê văn-Trương do Hội-Thống viết

Đã có bán

Nghệ thuật làm việc

Giá 0 p. 50

Sắp có bán

Trong 99 chớp núi

(Định-nhật-Thận với

Thu dạ lữ hoài ngâm)

Một công trình khảo cứu

của Đầu Tiếp Nguyễn văn-

Đề. Tựa của Hà xuân-Tế

Nhà xuất bản Tân-Việt

49, Takou — Hanoi

SẮP CÓ BÁN

Một tập phê-bình
của LÊ-THANH

Văn-nhân và thi-nhân
Việt-nam ngày nay
tập thứ nhất

TỬ MỞ

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 14

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

IX. — CHỮ K (bài nối)

VỀ chữ kim mã ngọc đường mà ông Lê văn-Hoà cắt nghĩa trong quyển *Tâm nguyên từ điển*, trang 133, sách *Từ nguyên* chép đời Vũ-đế nhà Hán sai học-sĩ đời chiếu ở cửa kim-mã để sẵn khi cổ-vấn; phía trước cung Vị-trung nhà Hán có ngựa đồng, cho nên gọi là kim-mã môn. Tự - vị Khang-hi chép thêm rằng trước kia là cửa Lỗ-Ban, đến đời Vũ-đế đổi là cửa kim-mã. Còn chữ ngọc đường, sách *Từ nguyên* chép ba nghĩa như sau này. Một là nói chung nhà phú-quí. *Cổ nhạc phủ* có câu: «Hoàng kim ví quân-môn, bạch ngọc ví quân-đường», nghĩa là vàng đỏ là cửa vua, ngọc trắng là nhà vua. Nghĩa thứ hai là nơi phi-tân ở. *Hán thư* có câu: «Nên bớt lòng yêu-chuộng của vua đối với những người trong lầu-phòng và ngọc-đường». Nhan-Sư-Cổ chưa nghĩa: ngọc-đường là nhà của nàng hầu yêu. Nghĩa thứ ba là tên dinh quan. Trong quan-nghi (quan-chế) nhà Hán có nói rằng: «Quan thị-trung có dinh ngọc-đường». Đời Tống, trong niên-hiệu Thuần-hóa, 990-994, vua Thái-tôn chứ không phải vua Thái-tổ, như ông Lê văn-Hoà chép ở trang 134 — cho tòa Hàn-lâm bốn chữ «Ngọc đường chi thự». Thơ Tống Thái-tôn có câu: «Hàn-lâm thừa - chỉ qui,

thanh-tĩnh ngọc đường trung», nghĩa là chức Hàn-lâm thừa - chỉ là qui - trọng, ở trong nhà ngọc-đường thanh - tĩnh. Từ đấy chữ ngọc-đường chuyên - chỉ vào tòa Hàn-lâm.

Kim-ô là mặt trời; người ngày xưa tương truyền trong mặt trời có con quạ ba chân. Ô là con quạ. Còn nghĩa nữa, *Từ nguyên* chép là «phạm sắc sắc đại viết ô», nghĩa là phạm sắc đen đều gọi là ô.

Ở trang 135 quyển từ - điển của ông Lê văn-Hoà, nên thêm những nghĩa sau này vào chữ kinh là «sợ hãi» và «con ngựa sợ hãi»: 1, kinh-giới là đe dọa. Sách *Quản tử* có câu: «Tam kinh đương nhất trí», ba lần đe-dọa, nên một lần đến: đe dọa là bảo rõ cho biết oai của mình, «vị diện thị oai giá». — 2, loạn mạo là đáng loạn. Phú Trương-Dung có câu: «Ba sắc hoàn kinh» nghĩa là sắc sống lại loạn. — 3, tên một thứ bệnh: tiểu-nhi có chứng kinh-phong; tục gọi chứng giãn là chứng kinh (chép theo *Từ nguyên*).

Kinh ở chữ kinh-đồ nghĩa là lớn: *Từ nguyên* viết là «đại giả». Ông Lê văn-Hoà cắt nghĩa là «lớn hơn hết». Gò rất cao gọi là kinh. Nghìn vạn cũng gọi là kinh. Thông - dụng với chữ nguyên: cửu-nguyên cũng gọi là cửu-kinh, mộ-địa của Khanh đại-phu đời xưa. Kinh còn là tên một họ: *Lộ-sử* chép rằng con cháu Lão-tử có họ Kinh. Sách *Công-dương truyện* chép: «Kinh - sư giả hà? Thiên-tử chỉ cư gia. Kinh giả hà? Đại giả. Sư giả hà? Chúng giả. Thiên-tử chỉ cư, tất dĩ chúng đại ngôn chi», nghĩa là «Kinh-sư là gì? Là chỗ ở của đứng thiên-tử. Kinh gì? Là lớn. Sư là gì? Là nhiều. (Vi) đứng thiên-tử (là tôn-quí, cho nên) phải lấy (những tiếng) nhiều, lớn để nói vào chỗ ở», Sách *Học-sơn lục* chép:

«gọi kinh-sư là kinh-đồ bắt đầu từ đời Tần họ Tư mã; vì Cảnh-vương (Tư-mã-Sư) hủy Sư, cho nên người Tần kiêng chữ sư.»

Kinh Tam tạng là tên ba kho sách của Phật-giáo: chữ phàm (sanskrit) gọi là *Tripitaka*, tức là *Kinh, Luật, Luận*. Kinh là lời nói của Phật. Luận là Bồ-tát chép ra để rõ nghĩa Phật-Luật là chép những điều răn-day, uy-nghi nhà tăng phải theo. Tạng là những việc cần phải biết — «nhất thiết sử ưng tri»: chữ *Từ nguyên*. Ông Lê văn-Hoà nói «ba bộ ấy gồm 650 quyển như số sách Đường Huyền-Trang đã đem về Trung-Hoa», rồi ông đánh dấu hỏi: Trước khi giả lời câu hỏi *Đv. 141* theo *Từ nguyên* chép truyền Huyền-Trang như sau này: «Tăng đời Đường, họ Trần, người Yên-sư, học rộng kinh luật, từng qua Ngũ Ấn-đô (đời xưa gọi là Ngũ Thiên-trúc, hoặc Ngũ Thiên, tức là đông, tây, nam, bắc, trung), nhập môn vị luật-sư tên là Giới-Hiền, thấu suốt điển Phật, hơn mười năm về nước, đem về hơn 650 bộ kinh luận, cùng học-trò dịch 75 bộ, nghĩa là trong 650 bộ mới dịch có 75 bộ, được 1338 quyển. Đời Thái-tôn (627-649) Cao-tôn 650 683 qui-trọng: Phật-giáo từ đấy dần thịnh.» Bộ *Tam-Tạng* chính vẫn có 1678 bộ, 6091 quyển, không phải thầy Huyền-Trang đem về cả. Thầy Huyền-Trang có làm một quyển sách về sự đi Tây-trúc, đề là *Tát-vực-ký* (không nên lẫn với truyện *Tát-du*), có ông Stanislas Julien dịch ra Pháp-văn, đề là *Mémoires sur les contrées occidentales...* par Hiuan-tsang. Còn bộ kinh *Tam tạng*, thì có những quyển mục-lục sau này, chép cả chữ Hán lẫn chữ phàm: *A Catalogue of the chinese translation of the buddhist Tripitaka, the sacred Canon of the Buddhists in China and Japan*, by Bunyiu Nanjio; *Alphabetical List of the titles of works in the Chinese Buddhist Tripitaka...* by Ed. Denison Ross, v.v.

Còn nữa

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	3 25

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Đề cho:

M. le Directeur de la revue Tri-Tân Hanoi

Nhà văn Song-An Hoàng Ngọc-Phách

Tiếp theo kỳ trước

LÊ-THANH

TIÊN-SINH vừa kể cho chúng tôi vài kỷ-niệm của tiên-sinh với Lê Hữu-Phúc vừa đưa cho chúng tôi xem một bức thư màu xanh đã phai nhạt :

« Đông năm Kỷ-tị, ngày 5 tháng 11 (5-11-29).

« Ông Song-An ơi, tin đau buồn quá, chắc lòng ông mấy buổi nay xao xáo đã nhiều.

Thôi! còn nói gì được nữa. Tôi gửi mảnh giấy này đến ông, cũng chẳng qua gửi ông giọt nước mắt của người bạn gái mất Lê Hữu-Phúc mà thôi.

« Trong bức thư dài ông Phách gửi cho tôi tháng trước đây có nhắc đến ông T... và ông. Vâng giọt lệ thương tâm của bạn gái này cũng xin hòa cùng hai ông để khóc người bạn đáng thương đáng tiếc chung là ông Lê Hữu-Phúc, từ đây không bao giờ ta còn được gặp nữa.

« Trời! đây thăm thăm, mấy vạn tròng dương, Lê quận một bước chân ra, ai hay lối thiên cổ đi về nẻo ấy! Ông Song-An ơi, thật không ngờ mà ta sớm mất người bạn ấy.

« Thôi! tiếc thương mấy nữa cũng là thôi! Ông Phách mất đi, để lại bạn cũ gần xa biết bao tấm lòng từ đây vắng-vẽ.

« Khôn ngoan chi lắm để mau già.

« Nghĩ đến cái đời sống lênh-dênh, chết lênh-dênh của Phách mà thương!

« Thương lắm thay! bạn ơi!

« Chỉ làm trai chưa thỏa, u hồn đất khách hận bao thôi! »

« Một người bạn gái ».

Nhớ ngày nào tôi vừa gửi cho anh Phách một tấm ảnh mà anh bắt tôi phải có mấy câu thơ, Tôi đề rằng :

« Gửi sang cho bác một Song-An

« Ngày vắng đêm khuya bác luận bàn

« Bút sứt chọc giờ ai có hỏi.

« Rằng tôi với bác ở trần gian ».

Nay anh đã mất!

Cái chết của anh làm mất của tôi một người bạn đồng-chí rất thân yêu, không

những thế, khi anh dự bị làm luận-án thi tiến-sĩ văn-chương, tôi gửi sang cho anh rất nhiều tài-liệu về văn-hóa Việt-nam. Anh mất trong một bệnh-viện, từ cổ vô thân, nên đồ-đạc của anh mất cả, những tài-liệu của tôi cũng mất. Sau nhiều lần tôi nhờ người tìm hộ nhưng không thấy.

— Ngoài sự đào-tạo của nhà trường, về văn-chương và tư-tưởng, tiên-sinh còn chịu những ảnh-hưởng nào?

— Tôi sinh trưởng ở một đất văn-vật, ngay từ bé, việc văn-chương thì cứ là câu chuyên hàng ngày. Khi tôi ở nhà, tuy quốc-văn chưa được đề ý đến, nhưng những chuyện văn-hóa — thứ nhất là những giờ cụ tôi giảng cổ-văn cho nghe — có lợi cho tôi nhiều lắm.

Những ngày học trong cái tuổi anh niên đã tạo cho tôi một cái cốt nho học. Xung quanh cái cốt ấy sau này, trong một trường chuyên về văn-chương, chúng tôi xây đắp tư-tưởng với những tài-liệu nhất trong văn-chương Pháp.

Chúng tôi nhờ có những giáo-sư chuyên môn chỉ-bảo, đọc rất nhiều sách của các văn-nhân và thi-nhân Pháp. Mà càng học càng thấy cái rừng học bao-la man mác; mình thì như một người trẻ tuổi, nhiều trí ham-muốn quá, thấy cái gì đẹp, cái gì hay đều muốn vơ lấy cả.

Chúng tôi đọc Bourget Barrès... nhưng thích nhất là những văn-gia, thi-sĩ về thế-kỷ thứ XVIII và XIX: Rousseau, Chateaubriand và bốn thi-sĩ mà chúng tôi gọi là « tứ trụ », tức là Lamartine, Hugo, Musset và Vigny.

— Sau này tiên-sinh là một nhà văn trữ tình không phải là lạ.

— Những thi-gia này hợp với tâm-hồn thanh-niên ta bấy giờ, cái tâm-hồn do thời-thế tạo nên. Chúng tôi đang ở vào một buổi giao-thời, tựa hồ Lê-mạt, Trần-suy ở bên ta và sau hồi đại cách mệnh về thế-kỷ thứ XVIII bên Pháp.

Đọc văn quốc-ngữ, chúng tôi chỉ có những bài thơ than về quốc-vận mà tác-giả là những người ôm chủ-nghĩa yếm thế vào hồi 1904 đến 1925.

Nhưng phải nhận điều này :

Ở mỗi thanh-niên chúng tôi hồi bấy giờ có hai sức mạnh phản-động: sức mạnh của tình-cảm và lý-trí. Sống cuộc đời bên trong thì sống với tình-cảm, nhưng khi hành-động thì hành-động theo lý-trí. Trong những cuộc đàm-luận, những cuộc bút-chiến của chúng tôi, sự xung-đột ấy có thể nhận thấy rõ-rệt.

Mà phải thế mới được. Sống với tình-cảm là cần cho tâm-hồn nhưng nếu cứ miên-mạn với tình-cảm thì còn làm được gì để lợi cho văn-chương, tư-tưởng.

— Vì vậy mà ở sự-nghiệp của mỗi nhà văn ta phân-biệt hai phần, một phần khó-khăn tìm thấy trong những bài nghị-luận về những vấn-đề văn-học, triết-học, luân-lý — tức như tập « Thời thế và văn-chương » — một phần trữ-tình tìm thấy trong những tiểu-thuyết, du-ký, thơ phú v. v. — tức như quyển « Tổ-Tám » của tiên-sinh.

Tiên-sinh là đại-biểu không những cho những văn-gia, thi-gia, mà cả cho cái thế-hệ thanh-niên hồi bấy giờ! Hơn nữa: Tiên-sinh viết văn có phương-pháp một vị giáo-sư và tâm-hồn một nhà thi-sĩ.

— Sự nhận-xét ấy có lẽ đúng.

— Tiên-sinh cho biết về tiểu-thuyết Tổ-Tám.

— Tiểu-thuyết Tổ-Tám tôi viết trong trường Cao-đẳng. Hồi ấy tôi có mục-đích viết một quyển tiểu-thuyết khác hẳn những tiểu-thuyết đã có, cả về hình thức và tinh-thần. Về hình-thức chúng tôi xếp-đặt theo những tiểu-thuyết mới của Pháp, lối kể chuyện tả cảnh theo văn chương Pháp cả. Về tinh-thần, chúng tôi đem vào những tư-tưởng mới, tâm-lý nhân-vật được phân-tách theo phương-pháp của những nhà tâm-lý tiểu-thuyết có tiếng đương-thời. Quyển Tổ-Tám là quyển tâm-lý tiểu-thuyết đầu tiên của ta, Nó mở một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử của tiểu-thuyết ta.

— Có nhẽ thế. Nhiều nhà phê-bình cũng công nhận như vậy.

— Tiên sinh viết quyển ấy có dễ dàng không ?

— Dễ-dàng, tôi viết trong hơn một tháng. Hồi ấy, tài liệu, chúng tôi sẵn cả : những bức thư tôi cần cho tiểu-thuyết, chúng tôi có sẵn ; chuyện cũng có sẵn, chỉ việc dàn xếp thêm bớt đi ít nhiều là tiểu-thuyết của tôi đã xong rồi.

—

— Nói thế không phải tiểu-thuyết của tôi là một truyện thật một trăm phần trăm như mọi người đã bảo. Họ cứ cho Tổ-Tâm là người ở phố này, phố nọ . . . Ngay khi tôi ở trường Cao - đẳng nhiều bạn hỏi tôi : « Tổ-Tâm là ai ? » Tôi chỉ cười mà không đáp. Có nhiều lần các bạn tinh-ngịch giấu những vật thiết dụng hằng ngày như sách-vở, quần áo, có khi giấu cả bài luận pháp-văn sắp phải nộp để « bắt cóc tôi » phải nói Tổ-Tâm là ai... Lại sau này, một hôm, chầy hội chùa Hương, mười mười lăm anh em thư-sinh đương lãnh-đoanh trong hai chiếc thuyền trên sông Phủ - Lý. Đêm khuya, trăng sáng, các bạn đang cùng nhau ngắm cảnh, một bạn ngâm một câu trong truyện : « *mệnh-móng sóng gợn chân giới* », « *ấy ai du-lữ, tức người đào - nguyên* »... Một bạn nhớ ra, đề nghị : đem ngâm Song-An xuống nước, khi nào chờ biết hết chuyện thật về Tổ-Tâm mới cho lên...

Nhân đây tôi xin giả lời chung các bạn đọc thân yêu. Chuyện đời có mấy khi giống hẳn như tiểu-thuyết. Người chép truyện tất phải thêm bớt ít nhiều cho truyện có mạch - lạc, có kết - cấu. Nhưng chép tâm-lý mà lại bịa chuyện ra thì không có nghĩa-lý gì cả. Đã là phân khảo một việc ở cõi lòng thì việc đó tất phải hiển-hiện, nhân-vật phải có thật, và những điều phát-động như thư tín, văn thơ trong truyện đều phải có. Nếu không, câu chuyện của mình chỉ là một lâu-đài bằng giấy dựng ở quãng không-gian, đứng vững sao được với gió mưa, ngày tháng ? Tóm lại, chuyện *Tổ-Tâm* có thật, nhưng không thật hẳn trăm phần trăm.

— Tiên - sinh có thể cho biết dư luận đối với quyển *Tổ-Tâm* khi mới xuất bản,

— Có lẽ nó ra đời vào lúc người mình đang chờ một tiểu-thuyết như thế. Tiểu-thuyết của tôi được mến chuộng. Có nhiều người tôi tưởng không khi nào đọc đến sách mà cũng hỏi tôi. Người ta nói đến tôi luôn. Ở chỗ đông người có ai nói đến tên tôi là thấy nhiều người thì thảo chí trở, nom bình như tôi đã phạm một lỗi gì. Người ta giới-thiệu tôi thường chỉ nói đến tên quyển sách. Hồi đó, tôi nhận được rất nhiều thư của các độc giả : Người hoan nghênh cũng lắm ; người công-kích cũng nhiều. Phái thứ hai này phần đông là các ông thủ-cự, người ta chê phần luân lý của quyển truyện và hết câu quá buồn.

Ông tính : một quyển sách tuyệt tác như quyển *Kiên* mà còn bị người ta cho là dâm thư, huống chi quyển *Tổ-Tâm* không trách có người cho là « vô đạo ». Nhưng dư-luận bây giờ khác hẳn phần luân lý người ta không đề ý lắm nữa, cho là một việc rất thường như trong các tiểu thuyết Âu-tây. Người ta tìm thấy trong *Tổ-Tâm* có nhiều quan niệm về tư-tưởng văn chương khác, can hệ hơn, đó là một thâm ý của tác giả mà bây giờ nhiều nhà phê-bình đã chú ý phân-khảo ra. Hiện nay tôi đã thấy ở các bậc trung-học, cao-học đem giảng thuyết quyển truyện đó. Và, mới đây, tôi nhận được thư của nhà học-chánh Đông-pháp nói về quyển này.

— Quyển *Tổ Tâm* xuất bản được mấy lần.

— Bốn lần tất cả, không kể lần in vào tập ký-yếu của hội sinh viên trường Cao-đẳng. Lần thứ nhất do nhà in Châu-phương xuất bản, cách trình bày hồi đó còn vụng về ; mấy lần sau do nhà Nam Ký xuất-bản. Lần in ở nhà Trung Bảo được ông Đỗ-Văn trông nom, nên sách rất đẹp. Ông Văn thật có biệt tài về nghề in.

Lần thứ tư hết đã lâu, tôi thường vẫn nhận được thư hỏi, nhưng mấy năm nay chưa tiện đem in lại.

— Tiên sinh có thể nhận được cái ảnh hưởng quyển tiểu thuyết của tiên sinh trong văn ta không.

— Điều đó khó nói quá ! Tôi chỉ nhớ một lần, nhà làm báo Ngọc-Thổ gặp tôi bảo : « Ông nhiều học trò lắm, phương tiện

là học trò chưa có nghệ thuật bằng thầy. Tôi tưởng ông nói về học trò trường công, sau mới biết ông nói về ảnh hưởng quyển tiểu thuyết *Tổ-Tâm* ấy.

— Trong quyển *Tổ-Tâm*, tiên-sinh hành văn trọng các lối cân đối, đọc lên nghe du dương, ý của tiên sinh đối với lối hành văn ấy thế nào ?

— Hồi ấy tuy ta đã học Pháp-văn, nhưng chúng ta chịu ảnh hưởng lối hành văn của Tàu nhiều hơn. Cái điệu văn cân đối là điệu của Hán-văn . . . Ngày xưa ta viết văn là để ngâm to lên, làm thế nào cho khi đọc nghe du-dương là vậy. Ngày nay, lúc ta viết, cố ý bỏ bớt chữ cho đỡ rườm-rà, nhưng cũng đừng đi đến cái cực đoan thứ hai, là làm nên những câu văn đọc trúc-trắc. Văn chương ta có một tinh thần riêng, cần phải giữ tinh thần ấy, bắt chước một cách triệt để lối hành văn của Pháp thế nào được. Thứ nhất là văn tiểu thuyết cần tả tình cảm nhiều, hành văn thế nào đọc lên nghe êm đềm văn hơn.

— Tiên sinh cho biết ý kiến của tiên-sinh đối với những nhà tiểu thuyết ngày nay.

— Thường tôi vẫn đọc những tiểu thuyết mới xuất bản của ông Nguyễn công-Hoan, Lê văn-Trương v. v. nhất là những tác phẩm của các ông Nhất-Linh và Khải Hưng là hai nhà văn quen biết từ lâu. Các ông ấy có một nghệ thuật chắc chắn, văn chương mới mẻ. Ấy là nói riêng về phương diện nghệ thuật về phương diện ý tưởng, cá công ấy đứng về mặt phá hoại, phá hết . . . ! Bây giờ còn đương thời kỳ « phá » chưa đến lúc kiến thiết, nên chưa thể phẩm bình.

— Ý kiến của tiên-sinh về gia-đình thế nào ?

— Tôi rất lưu ý về vấn đề đó. Bài luận-án của tôi ở kỳ thi tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm bàn về gia đình Việt-nam và ảnh hưởng luân lý của gia đình (La famille annamite et son influence morale), lúc làm bài đó tôi đã xem hết những sách của tác giả người Âu trong các thư viện nói về gia tộc Việt-nam, Trung-hoa và Nhật-bản. Bài luận-án này được hội đồng chấm thi rất chú ý, nhất là một vị giáo sư triết-học ! Cu Houlier.

xem tiếp trang 16

TỈNH Tuyên-quang xưa là bộ Tân-hung thuộc nước Văn-lang về đời Hồng-bàng.

Mãi tới thế-kỷ thứ XIII đời Tần bên Tàu, mới có tên là Tuyên-quang.

Niên-hiệu Vĩnh-lạc (1403-1424) nhà Minh, châu Tuyên-quang đặt thành phủ gồm 9 huyện: Khoáng-huyện, Dương-đạo, Văn-giang, Bìch-nguyên, Đề-giang, Thủ-vật, Đại-man, Đồng-thượng và một hạt không nhớ tên.

Từ trước, Tuyên-quang vẫn thuộc quyền các thổ-hào độc-lập.

Đến thế-kỷ thứ XV, tỉnh Tuyên-quang sáp nhập phạm-vi cai-trị của Nam-triều. Vua Lê Thái-Tôn ngự giá thân-chính diệt được hết đảng-khẩu từ Văn-nam tràn xuống và hàng-phục được các tướng Nguyễn-Khai và Đào Quý-Dụng.

Tiếp đến nhiều cuộc tàn-phá do các đảng giặc khác gây nên, dân-tỉnh thực là điêu-đứng! Năm 1453, có nạn đói-kém, trong vùng giặc nổi như ong, nhiều tướng muốn nuan cơ-hội inoat-ly triều đình, nhưng lần lượt đều bị thất-bại cả!

Dưới triều Hậu-Lê, vùng Tuyên-quang bắt đầu trở nên yên-địa. Có nhiều đường giao-thông nối với các tỉnh lân-cận, Tuyên-quang trở nên một đạo quan-trọng, khi thì biệt-trị, khi thì sáp-nhập Hưng-hóa. Trong tỉnh có nhiều đồn-ải để duy-trì cuộc trị-an.

Đã có lần, vua Lê Thái-Tổ sáp Tuyên-quang vào tỉnh Sơn-tây.

Sau đến vua Lê Thánh-Tôn đặt Tuyên-quang thành đạo, có quan Thừa-tuyên cai-trị, gồm có một phủ Yên-bình và nam châu Thu-châu, Đại-man, Bìch-nguyên, Bảo-lạc, Lục-an.

Cuối niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1521) nhà Lê, tỉnh Tuyên-quang bị giặc tàn-phá. Vũ Văn-Uiên là thổ hào miền Gia-phước mộ quân chống nhau với giặc, dẹp yên được các đảng-khẩu. Vua Lê Chiêu-Tôn phong cho Vũ Văn-Uiên làm quan,

đạo Tuyên-quang. Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, Vũ Văn-Uiên và em là Vũ Công-Mật đem quân phản-kháng, không chịu theo

nhà Mạc. Vũ Văn-Uiên mất rồi, Vũ Công-Mật kế chân, thống-lĩnh quân-đội và cai-trị Tuyên-quang. Vũ Công-Mật được vua Lê gia phong chức-tước, đóng ở Đại-đồng, tự xưng là Giá-quốc tướng-quân, phục-tòng vua Lê đang lánh nạn tại Qui-thuận tỉnh Thanh-hóa. Vua Lê Trang-Tôn ban khen và phong cho ấp Yên-tây. Trong khi nhà Mạc bị chúa Trịnh đuổi đánh, cướp phá các nơi, Vũ Công-Mật cai-trị xứ Đại-đồng, chỉnh-đốn binh-bị, tổ-chức cuộc nội-trị, chẳng bao lâu lòng Đại-đồng trở nên phồn-tịnh.

Hiện nay, tại Hạ-thôn xã Loanhạ, trên hữu-ngạn sông Chảy, còn một bờ thanh đất gọi là Ai Hoang-loan, đó là di-tích một thành-trị của Vũ Công-Mật dựng nên, cạnh thành có giếng Hoang-loan. Trên một ngọn núi, có mộ thân-phụ Công-Mật và có miếu dân thờ.

Vũ Công-Mật xưa có mở trại Yên-tây chống nhau với Mạc, hiện nay còn di-tích.

Sau khi Vũ Công-Mật mất đi, tỉnh Tuyên-quang trước sáp nhập Hưng-hoa, bắt đầu phân nạt, đặt dưới quyền cai-trị thổ-hào Lưu-Thụ.

Niên-hiệu Lê Quang-Hưng (1578-1599), quan Tàu chiếm đất huyện Vĩnh-tuy và châu Thủy-vĩ, đặt địa-giới tại Minh-trang-sơn. Nước Nam mất 40 dặm đất, mà việc chiếm-đoạt ấy được nhanh-để bên Tàu công-nhận và chuẩn-y.

Một viên thổ-hào Tuyên-quang là Hoàng-Phác biểu tấu triều-đình, Vua Lê phái Nguyễn Huy-Nhuận Tham-trị bộ Binh, lên miền bắc hội cùng sứ Tàu để định lại cương-giới, Hai bên đều đồng-y lấy sông

Đu-ký

Số 5

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

NHẬT-NHAM

Đồ-chú làm địa-giới, rồi dựng mốc và bia trên hai bờ sông.

Nhờ có nhà Lê, tỉnh Tuyên-quang được giữ nguyên bờ-cõi và hưởng cuộc thái-bình thịnh-trị. Nhưng chẳng bao lâu, giặc khách lại sang quấy nhiễu; quan quân lại phải vất vả mới bình được.

Mãi đến khi vua Gia-Long 1802-1819 lên ngôi chính-thống, hợp nhất nam bắc, chỉnh-đốn việc nội-trị, đặt Tuyên-quang làm ngoại-trấn, quân Tàu mới chịu rút lui; còn dư-đảng ở lại đều bị quan-quân ta đánh đuổi hết. Tuy vậy,

cho quan-quân bao phen khó-nhọc!

Nông Văn-Vân làm Tri-châu châu Bảo-lạc, tự xưng là Tiết-chế Thượng-tướng-quân và bắt viên tỉnh-phái thích chữ vào mặt: « Quan tỉnh hay ăn tiền của dân », rồi đuổi về.

Nông Văn-Vân chia quân cho đi đánh phá các tỉnh. Nhân thế rừng núi, hiểm Vân cứ xuất kỳ: hễ có quan quân đến, đánh được thì đánh, không đánh được thì lui, ra vào bất trắc, lui tới không nhất định. Quan-quân đi đánh thực là



Hai cô gái thổ ở Tuyên-quang (Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân)

cũng còn nhiều thổ-hào nổi lên kéo cờ độc-lập, chống với quan-chức người Nam.

Đến đời Minh-Mạng 1820-1840, thổ-hào miền Bảo-lạc là Nông Văn Vân đánh nhau với Nam-triều trong vòng ba năm 1833-1835, làm

Tháng chạp năm Quý-tị 1833, đạo quân của Lê-Văn-Đức và Nguyễn-công-Trứ vào đến Văn-trung, tức là Bảo-Lạc, là sào-huyệt của giặc Nông-Vân-Vân phải chạy trốn sang

Tấn.

Về sau, Nông Văn Vân lại trở về Tuyên-quang, cho quân đi đánh phá như cũ.

Tháng 3 năm Ất-mùi 1835, Phạm-

vân-Điền đem quân đánh đuổi. Văn chạy vào rừng. Phạm-vân-Điền vây 4 mặt rồi phóng hỏa đốt: Văn bị chết cháy! Quan-quân chém lấy đầu đem về kinh báo tiếp.

Dưới triều Tự-Đức 1848-1883 tỉnh Tuyên-quang có bốn tên Uân, tên Nông-Hùng-Thạc khuấy nhiễu.

Tháng 3 năm quý-hợi 1863, Vũ-Tảo đánh lấy lại thành Tuyên-quang và bắt được tên Uân đóng cũi giải về kinh trị tội.

Dư đảng Hồn-Tứ-Toàn bên Tàu là bọn Ngô-Côn-trần sang nước ta đem quân đi cướp phá, các tỉnh Tuyên-quang, Cao-bằng, Lào-kay Thái-nguyên.

Triều-đình sai Vũ-Trọng-Bình ra làm Hà-Ninh tổng-đốc kiêm chức Tuyên-Thái-Lạng quân-thủ khám-sai đại-thần đề-dẹp giặc Ngô-Côn.

Năm Canh-ngọ, 1870, Ngô-Côn đem quân vây đánh Bắc-ninh, quan Tiểu-phủ Ông Ích-Khiêm đánh một trận, bắn chết Ngô-Côn và phá tan quân giặc.

Ngô-Côn tuy chết, song còn đồ-đảng như bọn Hoàng-sùng-Anh hiệu cờ vàng, Lưu-Vĩnh-Phúc cờ đen, Bàn-Vân-Nhị, Lương-vân-Lợi, hiệu cờ trắng, vẫn quấy nhiễu ở mạn Tuyên-quang. Bao nhiêu thuế-mã ở mạn này đều bị đảng Cờ đen Lưu-Vĩnh-Phúc và đảng Cờ vàng Hoàng-Sùng-Anh thu cả. Sau hai đảng ấy lại thù khịch nhau, đánh phá lẫn nhau làm cho dân gian thực là tai-hại!

Ngày 31 Mai 1884, một đạo quân Pháp được lệnh tiến đánh thành Tuyên-quang.

Đảng giặc khách được tin, đều rút về đóng tại Vĩnh-Tuy và Lục-an-châu. Nhưng, trước khi kéo đi chúng ra lệnh cho dân-cư phải đổi

phá hết rồi mới được chạy trốn. Người nào không tuân lệnh ấy sẽ bị chúng giết.

Vì vậy, tỉnh Tuyên-quang bị tàn phá, không còn là một di-tích gì! Từ Phủ-Đoan đến Tuyên-quang mà cho tới Hà-giang, ta còn thấy nhiều cột đứng trơ-vơ, là dấu vết của các ngôi cổ-tự, các đền đài bị tàn phá vào hồi ấy.

Binh-sĩ Pháp vào thành Tuyên-quang như vào một bãi xa-mạc, không có nhà cửa, không có dân-cư.

Rồi trong vòng bao năm, binh Pháp phải vất-vả trong công việc tiêu-trừ các đảng-khẩu, để đem lại cuộc thái-bình cho tỉnh Tuyên-quang.

Từ năm 1897, những dân cư đã tạm lánh trong mấy năm biến-loạn, lại lục tục kéo về làng, phục tòng người Pháp, yên nghiệp làm ăn.

Tỉnh Tuyên-quang dần dần mở-mang rồi trở nên phồn-thịnh như quang cảnh ngày nay đang bày dưới mắt chúng tôi trong khi thâu nhàn lãm thắng.

Ngày hôm ấy, vì đi đường xa mệt-nhọc, nên đặt mình xuống, tôi đã ngủ lúc nào không biết. Mãi đến khi tiếng gà gáy giục xôn-xao, mới bừng tỉnh dậy, sắp sửa hành-lý đi Chiêm-hóa.

Lần đầu tôi mới bước chân đến đất Tuyên-thành, đã ghi được biết bao kỷ-niệm êm-dịu. Thế mà thời-gian lưu tại Tuyên-quang chưa được mấy chốc đã vội già người già cảnh, ra đi, khỏi sao những nỗi băng-khuông tưởng nhớ!

Băng-khuông nhớ cảnh, nhớ người. Nhớ nơi kỳ-ngộ với đời chân đi... Đi Chiêm-hóa! và còn đi xa hơn nữa!

Ô-tô định chạy 6 giờ, nhưng động-cơ hỏng, đợi mãi đến 7 giờ rưỡi, bánh xe mới quay!

Theo đường Hà-giang cách Tuyên-quang 155 cây số, ô-tô sau khi ra khỏi thành phố, khởi hành chạy vào châu Chiêm-hóa.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Tài-liệu, để đính-chính những bài văn cổ ... Số 87 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỔ

CXXIV

Giả lời một bức thư tình

Muốn nên non nghĩa núi công,
Há phen-lê thói khiêu-hồng cho cam.
Con ngựa bắc, tiếng chum nam,
Càng e diêu-vợi, càng nhàm gió-giăng.
Một nên với lại một chẳng,
Dẫu nên cũng đôi, dẫu chẳng cũng mừng.
Nghĩ đâu thôi xiết cây rừng,
Gương giăng thỏ cạy suốt chường xét soi.
Đã rằng nhị rữa hoa trời,
Hiềm chi vẫn, đặt vẫn « loi » ý gì ? (1)

CXXV

Bài ca đáp lại tình-nhân

Dọn xong đường nghĩa thì đi,
Ráp lòng chớ nỡ vô vi nên lòng.
Hiên mai từ chán hình-dung,
Cung nga phảng-phất tạc vòng bên ao.
Đèn hoa chong bóng dầu khêu,
Quyết lâu-dài xá quản bao thu dài.
Có toan vầy hội chương-dài,
Hãy thiên vãn mở tam thai chọn giờ.
Kẻo còn quanh lối bợm-bài,
Bên lòng nặng chữ a hoài như đeo.
Từ xem khắp bấy nhiều điều,
Ý lam sao đã dám liều thốt thừa ?
Kẻo còn thành tướng mập-mỡ,
Tin ong ước nhận quên sơ cũ nhờ.
Gọi là đạm thảo duyên giới,
Tiền mây dẫu nửa, lòng thời đại dài.
(Trích ở quyển Quốc-âm thi-ca tạp-lục, sách
viết bằng chữ nôm ở Trường Bắc-cổ, số A B 296).

CXXVI

Vịnh vũ thi

(Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709)
Một đng long-vân tiếng dậy vang,
Đất bằng thế nước, phẳng như chẳng.
Nhuông ngàn-hán khoi đời ngách,
Mây hoàn cơ khắp mọi đường.
Rưới cả muôn phương chứa-chát,
Nhuần trong bốn bề mênh-mang.
Lầu-lầu thế-giới trần-ai sạch,

Ởn bởi huyền-nghi xuống thủy-tương.
(Trích ở quyển Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách
vịnh, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bắc-
cổ, số A B 544 tờ 29 b).

CXXVII

Vịnh phong-niên thi (2 bài)

(Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709)

Ứng diễm ngũ thái tiết trinh-minh,
Đặng năm này đương giữa vận lành.
Muốn khóm rờn-rờn màu nhuận tia,
Đôi chòm thổ-thổ thức tư-vinh.
Thừa - lựa nhân bởi hòa thiên ý,
Lưu-loát càng thêm thuận chúng tình.
Cửu hữu láng-láng đều thỏa ước,
Dan tay ca ngợi khúc long bình.
Trích ở Ngự-đề Thiên hòa doanh bách vịnh, A B
544, tờ 28b.
Giời trị công nên đã vẹn mười,
Tặng nhương rày thấy thủy trong đời.
Chiêm hàm chốn chốn mừng thời thịnh,
Thành thực ai ai phải chí vui.
Gội Vũ chưa - chan dùng chẳng xiết
Đường cù đặng - đỉnh hợp đua chơi,
Đầu đầu chín át toàn thu cả,
Cùng gọi ơn trên đức hậu bồi.
Trích ở Ngự - đề Thiên hòa doanh bách vịnh,
A B 544, tờ 30 a.

Ứng-Hòe NGUYỄN-TỔ

Những bài đăng kỳ này chưa in ra quốc-ngữ bao giờ.
Hai bài trên muốn như làm vào khoảng cuối đời Lê. Bài
giả nhờ một bức thư tình là bài của một người đàn bà góa
Trong bài thơ của người đàn ông ước hỏi, chắc có hạ văn.
« lẽ loi » cho nên ở đây mới hỏi : « đặt vẫn loi ý gì » ?

Vườn hoang

Trong im-lặng vườn than miền lưu-quạnh.
Giọng ri-ri, dễ khóc ngô vườn hoang.
Buồn rười-rượi làm sao mà vắng lạnh
Nơi còn ghi bao dấu-vết huy-hoàng !
Ghế xiêu-veo, mối ngon cho mối gặm !
Hơi hương đâu ? chết tự tháng năm nào ?
Hồ xanh rờn, tràn lan bèo cỏ ngập
Và hung tàn bụi dứa cạnh hồ sâu !
Luống đất cũ dâng nước mùi hoang-dã
Cỏ eao tràn lấn át mặt đường đi
Hoa bạch đại ngầy mặt nhìn bụi lá...
Xa-xôi rồi ! nhào-nhỏ-nữa làm chi !

CỎ CẨM-LAI

Bia Văn-miếu

Những ông nghề triều Lê

Số 38

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Những ông đỗ đệ - tam - giáp đồng-tiến-sĩ xuất thân, khoa bính tuất, năm Quang-thuận thứ bảy, 1466, từ số 8 đến số 19 là những ông sau này :

8. — Nguyễn Bá-Dung, người xã Vũ-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái. Đỗ năm hai-mươi-bảy tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (chép theo bia Văn-miếu, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14b, và *Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 60 b, sách viết của Bác-cổ số A 485).

9. — Nguyễn-Chấn, người xã Yên-trạch, huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến tự-khanh (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 a). Bia Văn-miếu và *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, chép là người huyện Trường-tân. *Đăng khoa lục* lại nói ông làm quan đến đô-cấp-sự-trung.

10. — Bùi-Khản, người xã Yên-quyết, huyện Thanh-miền, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 51 b, đều viết là người xã Yên-khoái.

11. — Hoàng-nhân-Bản (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 28 a, chép là Trần-nhân-Bản), người xã Sơn-dồng, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai. Vâng mệnh đi sứ, làm quan đến hiến-sát-sứ.

12. — Lê Thúc-Chân, người xã Sơn-dồng, huyện Lập-lạc, phủ Tam-đái. Đỗ năm ba-mươi-hai tuổi, làm quan đến đô-ngự-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập

thượng, tờ 55 a).

13. — Thái Tắt-Tiên, người xã Do-lễ, huyện Hưng-nguyên, làm quan đến tham-chính.

14. — Nguyễn-Đồn, người xã Trung-hành, huyện An-dương, ngụ ở làng Hà-nội, huyện Kim-thành, đỗ năm hai-mươi-tám tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b), *Lê triều tiến-sĩ đề danh bị ký*, tờ 20 b, nói có chỗ chép tên ông là Nguyễn-Hy.

15. — Ngô-Lôi, người xã Phúc-kê (bia khắc là Phúc-kê; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, chép là Phù-kê), huyện Đông-ngàn, vâng mệnh đi sứ, sau đổi sang võ-chức, làm quan đến tổng-binh thêm-sự.

16. — Phạm-Doanh, người xã Khê-tang, huyện Thanh-oai, làm quan đến tả-thị-lang.

17. — Mạc-đức-Tuấn, người xã Triền-thủ, huyện Bình-hà. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14b, chép là người xã Mạc-thủ. Làm quan đến thượng-thư, là tăng tồ Mạc-văn-Túc.

18. — Đào-Cử, người xã Thuần-khang, huyện Siêu-loại (*Tri-tán*, số 45, trang 17). Đỗ năm 18 tuổi, đổi tên là Đào-thuấn-Cử. Tuyển vào viện Hàn-lâm, dần dần thăng Đông-các đại học-sĩ, Hàn-lâm-viện thị-độc, tiến làm thượng-thư. Được vua hậu đãi, gần bằng Thân-nhân-Trung và Đỗ-Nhuận : tục thường gọi là « ở bậc thứ hai họ Thân họ Đỗ ». Ông có soạn bài hậu-tự cho tập *Quỳnh uyển cửu ca*, hiện còn 10 bài thơ cận-thể trong bộ *Toàn - Việt thi lục*

của ông Lê qui Đôn, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 18 a.

19. — Hà Nghiễm, người xã Kim hoa, huyện - Kim hoa, làm quan đến Lại-bộ thị-lang.

Khâm-định Việt sử, quyển 22, tờ 34b, chép « năm Hồng-đức thứ năm, 1474, Lại-bộ thượng-thư thư Hoàng-nhân-Thiên, thị lang là lũ Hà Nghiễm, Trần Tuấn, phần nhiều cho những người làm quan xa nhà được chuyển bổ về chỗ cận-tiền, những người làm quan ở nơi chướng-lệ được chuyển bổ về chỗ phong-phú. Vua Lê Thánh-Tôn, 1460-1497, sai quan xét hỏi. Hà - Nghiễm lo rồi chết. Vua Thánh-Tôn dụ Thái bảo là Lê Niệm rằng : « Hà Nghiễm chết có ba điều không may : phép chưa nên giết, vội gặp chết uổng : một điều không may ; ta không có lòng muốn giết, mà có cái tiếng giết lạm, là hai điều không may ; Nhân-Thiên chưa kịp hỏi, mà Nghiễm vội chết, là ba điều không may. »

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một cuộc triển-lãm sách, báo nữa

Bản-chí được tin rằng nhà sách Minh - Đức, Thái - Bình sẽ tổ chức một cuộc triển lãm sách báo từ 30 Août đến 30 Septembre 1942 Nhân dịp cuộc trưng bày này, nhà sách ấy có mở một cuộc thi khá lý-thú.

Mong rằng cuộc trưng bày này được kết quả mỹ mãn.

Vì kỳ này nhiều bài quá, nên *Việt nam văn-học sử*, *Nam-dân bất chẩu* và *Thời đàm* đều phải gác lại. Xin các bạn đón coi ở những số tới.

Buổi diễn đầu tiên của « Phục-Hưng kịch đoàn »

Tối thứ bảy, 15 Aout, Hà-thành sành-sỏi, Hà-thành yêu tấn-kịch, già có trẻ có, trong đó lại rất đông về phái đẹp, đã vui vẻ tới chứng-kiến buổi khai-mạc mùa kịch năm nay tại nhà hát tây.

Phục-Hưng kịch-đoàn của ông Claude Bourrin, sau một thời kỳ rèn luyện công phu, lại mạnh bạo rắn-bước trên con đường phụng sự tấn-kịch, phụng sự nghệ-thuật và văn-hóa. Khán giả có thể tin cậy ở sự giám-đốc lão luyện của ông Bourrin, nhà - nghệ sĩ đã đem cả một đời người để cống hiến tận tụy với sân-khấu.

Mở màn vở kịch ngắn « Cái ghen của anh Tém-Hem » đã đem đến cho ta những phút vui thanh tao, với những tài tử như Danh Thịch, Bạch-Hà, Hoàng Lương v. v. . .

Kế tiếp bài diễn-từ của ông Bourrin, khi ra trình-diện với công chúng, vì ông chẳng quên cái nhiệm-vụ xã giao là một, và sự cần-thiết nói đến tôn chỉ của kịch đoàn là hai... Cử tọa được một phút cảm động, trang-trọng khi rầm rập đứng dậy chào bức chân-dung to lớn của Thống-Chế.

Màn lại kéo lần thứ nhì. « Cái ghen » của buổi tối này, vở kịch dài « Người hà-tiền ». Tối đây tôi không-xiết lời khen ông Trần văn-Nguyên, trong công cuộc « phỏng theo » vở bất hủ của Molière Cổ nhiên trước ông Nguyên đã có ông Nguyễn văn Vĩnh với bản « Người hiền lặn », nhưng kể đi sau muốn làm hay hơn, muốn cho tinh thần vở l'avare hợp với hoàn cảnh, tình-tình, ý vị của người Nam. Làm như thế mới lột hết tinh thần của bản văn Pháp, mà ông thành bài kịch nước Pháp, vì có tái sinh, cũng phải ghi công cho người biết mô-phỏng khôn khéo, hợp tâm lý đến vậy ! Tôi mong rằng, trong các vở diễn bằng tiếng nam của Phục Hưng kịch đoàn cũng đều theo một phương châm như vậy, vì nếu vở

Đạo cũng được như vở « Người hà-tiền » thì tôi quyết rằng công cuộc diễn tấn kịch sẽ được nhiều kết-quả rực rỡ.

Khi tán thưởng ông Trần văn-Nguyên, tôi lại phải nhắc đến ông Quách Chín đã đóng vai Cả Kiệt vai chính, rất tài tình. Còn thì toàn ban đều đáng ghi công lên bằng danh dự cả. Vả, tiếng vỗ tay, giọng cười của khán giả đã là bằng-chứng đích - đáng để khen giá trị nhân viên Phục Hưng kịch đoàn.

Cuối cùng, xin nhắc rằng còn nhiều vở hay đề trình - bày với nhân-sĩ Hà thành, tại Olympia hai tối 17, 18 — tại Modern, hai tối 19, 20.

TRÚC-ĐYNH

Một giờ với nhà văn

tiếp theo trang 11

Tôi cho gia-đình là nền-tảng xã-hội. Tuy gia-đình ta cũng có nhiều điều phiền-phức cần phải sửa-đổi, nhưng đại-cương có nhiều điều rất hay. Những cái mà bây giờ người ta công-kích là những chuyện nhỏ-nhen hoặc những cái biến trong cái thường ; những « ca » rất ít xảy ra trong những gia-đình lục-độc, rồi người ta tức-giận, đem « vơ cả nắm » mà kết án gia-đình, muốn phá hoại nó đi. Còn những nhà khác vẫn sống một cách êm-đềm vui-vẻ. Những điều khó chịu lặt vặt trong gia-đình thì ở cơ-quan xã-hội nào không có, ở đời nào, nước nào cũng vậy. Tôi trước là con em, nay là gia trưởng, tôi chả thấy gì là cái khổ-hại của gia-đình. Tôi vẫn thấy nó có một cái nghĩa thiêng-liêng, cái tình mãnh-liệt. Hiện giờ nó là một cơ-quan của xã hội Việt-nam để đào-luyện những đức hi -sinh tận -tụy làm cho người ta có thể đặt những tình bác ái thiêng trên hết những sự nhỏ-nhen và ích-kỷ.

— Có nhà phê-bình quyền Tổ-Tâm nói rằng đó là một lần kịch gia-đình với cá-nhân và tác-giả muốn nêu lên việc cần phải chống với gia-đình, có phải thế không ?

— Không hẳn thế, trong lúc buồn-bực, cá-nhân cũng có khi trách oán gia-đình ; nhưng trong quyền Tổ-Tâm tôi muốn bày ra cái ảnh-hưởng mẫu-nhiệm của gia-đình. Người trong truyện vẫn hiểu cái nghĩa hi-sinh đối với cha mẹ.

Như thế là điều hay. Người ta có hi-sinh được với nhà, mới tận-tụy được với nước. Thánh nhân có câu : « Cần trung-thần tất do hiếu-tử chi môn. » (Cần tôi trung phải tìm ở nơi con hiếu). Tôi chưa thấy một người con bội-bạc với cha mẹ mà trung-thành với nước non. Tôi trung có bức đại trí đại tài, quên nhà để giúp nước - đó là các ngài cho bên họ nặng hơn bên kia chứ không phải chế gia-đình là đối-bại. Các bậc đó vẫn nghĩ đến nhà luôn thường vẫn phải nén lòng tư-gia để làm xong việc nước.

Câu chuyện của chúng tôi chưa hết.

Trong mẫu giấy ghi những câu hỏi của tôi còn đến hai bà điều.... Tiên-sinh còn đang giả nhời cho chúng tôi tại sao sau tiên-thuyết Tổ-Tâm, tiên sinh không viết nữa....

— Câu ngài hỏi đã có nhiều người hỏi tôi rồi. Có bạn cho rằng, tôi đã được hoạn ngành ở quyền Tổ-Tâm sợ viết quyền khác không được bằng quyền ấy chẳng... Sự thực không phải thế. Sau khi ở trường ra, đi làm ít thì giờ quá. Khi mình đi học cứ tưởng sau này ra đi làm sẽ có nhiều thì giờ. Khi đi làm thì nào chức-vụ, việc gia-đình... tui bực không mấy lúc có thì giờ để nghĩ đến làm một việc công phu hàng tháng. Thứ nhất là chúng tôi ở tỉnh nhỏ, có nhiều cái bất lợi cho sự làm văn. Muốn khảo gi, sách thiếu ; xung quanh mình, bạn bè không cùng có chí hướng như mình, không có người khuyến-khích. Ngoài ra lại còn việc xã-hội, mình đã có chút địa-vị, không mấy việc mình có thể bỏ qua... Vả chẳng sức yếu, làm việc thường đã thấy mệt, nên cũng nản viết văn. Những bài tôi viết sau này là ở các bạn bắt buộc, nhất là hạn Hoàng tích-Chu với tờ Đông-tây ngày trước.

Tiên-sinh còn đang nói thì một chứng có đột-nhiên đến cho tiên - sinh : một nhân-viên của Hội truyền-bá học quốc-ngữ ở Hanoi sang đề nghị với tiên-sinh lập một chi-hội ở Bắc ninh.

Nghĩ rằng tôi ở lại có thể biết thêm được ít điều, nhưng chưa-chắc đã ích gì cho mọi người, mà trái lại, làm bận tiên sinh trong công việc lập chi nhánh Hội truyền bá học quốc ngữ, một công việc xã hội mà ảnh hưởng tốt cho văn chương Việt nam ngày nay, chưa ai có thể lượn được. Tôi xin phép ra về.

HẾT

LÊ-THANH

CÁCH XẾP-ĐẶT CHỮ NHỎ TRONG TỰ-ĐIỂM

Số 2

ĐÀO TRỌNG-ĐU

C. - Tượng-hình phân-loại (Classifications morphologiques)

Đoạn này có một vài ý-kiến mới phải dùng mấy chữ mới đặt. Hoặc có chỗ nào nghe lạ tai, xin độc-giả lượng cho.

a) *Phân loại theo số giới điểm (Classification d'après le nombre de points de contact)*

Xem một bài hán-văn, ta thấy chữ nào cũng bằng nhau, dù nhiều nét hay ít nét, chữ nào cũng có thể viết vào một ô vuông, mà trong bài này gọi là « tự-mô » hay là « khuôn chữ ». Bốn bề khuôn chữ gọi là « mô-giới », là đường giới-hạn cho chữ ở trong khuôn, không có nét nào có thể viết qua bốn đường mô-giới ấy và ra ngoài khuôn chữ được. Có nét viết đè lên đường mô-giới, thí dụ chữ quốc 國 ba nét ngoài đều viết đè lên đường mô-giới cả. Những nét ấy gọi là giới-hoạch. Cũng có nét chỉ gặp đường mô-giới một chỗ hay hai chỗ, thí dụ chữ mộc 木 viết vào trong khuôn chữ, nét sỏ gặp cả hai đường mô-giới trên và dưới, nghĩa là gặp hai chỗ, nét phẩy

chỉ gặp có đường mô-giới bên tả, nghĩa là gặp một chỗ. Những chỗ ấy sẽ gọi là giới-diểm. Bây giờ ta thử vẽ vài cái khuôn chữ rồi viết mấy chữ vào xem. Ta thấy đường mô-giới trên :

Chữ mộc 木 có một giới-diểm.

- tích 昔 — hai —
- xuyên 川 — 3 —
- châu 洲 — 4 —
- than 澗 — 5 —
- ung 澗 — 6 —

Chữ tam 三 nét trên là nét giới-hoạch. Nét giới-hoạch ta sẽ coi như là bốn điểm, vì lẽ bốn chấm thường viết liền lại thành một nét ngang, thí - dụ bốn chấm trong chữ mã 馬 chữ điều 馬 viết thảo. Nét ngang nào có nét khác chia ra làm hai làm ba, như chữ vương 王 chữ nhĩ 耳, sẽ coi như hai lần bốn giới-diểm là tám giới-diểm, ba lần bốn giới-diểm là 12 giới-diểm vân vân...

Vậy hán-tự có thể theo số giới-diểm trên, nhiều hay ít, mà chia ra làm 10 loại :

1. — Chữ một giới-diểm như 大, 古, 木 ...
 2. — Chữ hai giới-diểm như 昔, 林, 皆, 休 ...
 3. — Chữ ba giới-diểm như 川, 州, 從, 惜 ...
- Cho đến mười giới-diểm như 澗, 澗 ...

Chữ nào 12 hay 16 giới-diểm,

thì bỏ 10 đi rồi tính số còn lại :

Thí-dụ chữ nhĩ 耳 xếp vào bộ hai giới-diểm, chữ cảm 參 xếp vào bộ 6 giới-diểm.

Chính chữ là theo lý-luận mà viết, những nét nào vì dùng bút lông viết không cân-đối, phải sửa lại cho cân-đối (1). Symétriser un caractère, c'est lui attribuer une forme théorique telle que certains de ses traits retrouvent dans le caractère ainsi redressé la symétrie qu'ils ont perdue par suite de l'usage du pinceau (1). Thí-dụ chữ huynh 兄, nét phẩy và nét móc viết bằng bút lông nên không cân-đối với nhau. Chính lại nghĩa là viết thế nào cho hai nét sau cùng, có một đường đối xứng dọc (un axe de symétrie vertical), cho nét phẩy và nét móc thành ra hai nét vòng đối với nhau, một nét vòng sang bên hữu, một nét vòng sang bên tả.

Lại thí-dụ chữ cữu 臼. Cũng vì viết bút lông nên nét phẩy đầu ở bên tả, không đối-xứng với nét ngang bên hữu. Theo lý-luận thì cả hai nét phải là nét ngang mới cân-đối, nghĩa là chữ cữu chưa chỉnh lại, chỉ có một giới-diểm, chỉnh lại rồi, có những tám giới-diểm. Chữ đề 提 cũng vậy : chưa chỉnh có bốn giới-diểm, chỉnh rồi phải tính năm giới-diểm, vì nét sỏ chữ thò phẩy coi như lên tận đường mô giới phía trên.

Xem tiếp (trang 20)

Các bạn
cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

DỊCH THƠ TÂY

Douceurs de la Retraite

(Racan 1589-1670)

Tircis, il faut penser à faire la retraite :

La course de nos jours est plus qu'à demi faite ;
L'âge insensiblement nous conduit à la mort.
Nous avons assez vu sur la mer de ce monde
Errer au gré des flots notre nef vagabonde :
Il est temps de jouir des délices du port.

Le bien de la fortune est un bien périssable,
Quand on bâtit sur elle, on bâtit sur le sable ;
Plus on est élevé, plus on court de dangers :
Les grands pins sont en butte aux coups de la
tempête,

Et la rage des vents brise plutôt le faite
Des maisons de nos rois que les toits des bergers

O ! bienheureux celui qui peut de sa mémoire
Effacer pour jamais ce vain espoir de gloire
Dont l'inutile soin traverse nos plaisirs,
Et qui, loin retiré de la foule importune,
Vivant dans sa maison, content de sa fortune,
A, selon son pouvoir, mesuré ses désirs !

Il laboure le champ que labourait son père :
Il ne s'informe pas de ce qu'on délibère
Dans ces graves conseils d'affaires accablés.
Il voit sans intérêt la mer grosse d'orages,
Et n'observe des vents les sinistres présages
Que pour le soin qu'il a du salut de ses blés.

Roi de ses passions, il a ce qu'il désire :
Son fertile domaine est son petit empire ;
Sa caban est son Louvre et son Fontainebleau ;
Ses champs et ses jardins sont autant de pro-
vinces,
Et, sans porter envie à la pompe des princes
Se contente, chez lui, de les voir en tableau.

Vui thú điền-viên

Al ơi, thời liệu mà về,
Đường đời đi quá nửa thì nên lui.
Nhưng là lẩn-lữa ngày giờ,
Cái già lằng-lặng đến nơi lúc nào.
Bấy chầy trần hải ba-đào,
Giờ ta phải liệu cầm sào nghỉ-ngơi.

Giàu sang mây nổi lưng giờ,
Một cơn gió thoảng, tan rồi, còn đâu !
Càng cao càng dễ ngã đau,
Cây cao càng dễ bị nhiều gió lay.
Nhưng khi giông-tổ nổi bay
Đền vua dễ chuyển, nhà cây ít nao.

Tiền thay những bạc thanh cao
Tĩnh mơ danh vọng, tiêu-dao ngày giờ.
Lánh xa người thế quấy rầy,
Nhà xưa nay lại hôm mai ra vào.
Có bao vui phận bấy nhieu,
Không ao-ước những cái cao quá vơi.

Ruộng nhà cây cấy thành thoi,
Nghị trường cái cọ bịt tai chẳng màng.
Mặc dầu bề loạn sóng vang,
Ung-dung nằm khểnh, đất bằng không nao.
Đôi khi ngóng gió, trông sao,
Chỉ e trái tuyết làm hao mùa-màng.

Muốn gì có nấy sẵn-sàng,
Cũng vì lòng chẳng muốn quàng, muốn siêng
Giang-sơn chiếm một cõi riêng,
Chẳng xưng « cô quả », cũng nên hào-hung.
Mặc ai xa mã trùng trùng,
Xem tranh treo, cũng phải lòng ước-ao,

Il voit de toutes parts combler d'heur sa famille,
La javelle à plein poing tomber sous la faucille,
Le vendangeur ployer sous le faix des paniers ;
Et semble qu'à l'envie les fertiles montagnes,
Les humides vallons et les grasses campagnes
S'efforcent à remplir sa cave et ses greniers.

Il suit aucunes fois un cerf par les foulées,
Dans ces vieilles forêts du peuple reculées,
Et qui même du jour ignorent le flambeau ;
Aucunes fo's des chiens il suit les voix confuses,
Et voit enfin le lièvre, après toutes ses ruses,
Du lieu de sa naissance en faire son tombeau.

Il soupire en repos l'ennui de sa vieillesse,
Dans ce même foyer où sa tendre jeunesse
A vu dans le berceau ses bras emmaillottés.
Il tient par les moissons registre des années,
Et voit de temps en temps leurs courses enchaî-
nées
Vieillir avec que lui les bois qu'il a plantés.

Il ne va point fouiller aux terres inconnues,
A la merci des vents et des ondes chenues,
Ce que Nature avare a caché de trésors.
Et ne recherche point, pour honorer sa vie,
De plus illustre mort ni plus digne d'envie,
Que de mourir au lit où ses pères sont morts.

S'il ne possède point ces maisons magnifiques,
Ces tours, ces chapiteaux, ces superbes portiques
Où la magnificence étale ses attraits,
Il jouit des beautés qu'ont les saisons nouvelles,
Il voit de la verdure et des fleurs naturelles
Qu'en ces riches lambris l'on ne voit qu'en por-
traits.

Agréables déserts, séjour de l'innocence,
Où, loin des vanités, de la magnificence,
Commence mon repos et finit mon tourment.
Vallons, fleuves, rochers, plaisante solitude,
Si vous fûtes témoins de mon inquiétude,
Soyez-le désormais de mon contentement.

Lộc giới nhuộm thắm đồi-dào,
Một nhà an hưởng, ngôi sao nào bằng.
Đầy đồng lúa chín tựa vàng,
Lưng đồi trĩu đỏ nghìn hàng nho tươi.
Nhường như cảnh cũng chiều người,
Trăm nghìn góp lại cho đầy một kho.

Có khi rừng rậm tò-mò,
Lặn theo vết chạy, lò dò săn hiếu ;
Có khi đuổi thỏ qua đèo,
Tai nghe chó xủa, chân theo liềm kờ ;
Rồi khi thỏ giở hết nghề,
Cùng đường cũng chịu một bề hiến thân.

Cảnh già nương chốn từ phần,
Tuổi già di-dưỡng, lấy nhàn làm vui.
Cứ mùa gặt hái tới lui,
Mấy mùa là bấy năm giới song-song.
Người già cảnh cũng già cùng,
Trông rừng xưa đã nghìn trùng cây cao.

Mặc người lặn lội Ngô, Lào,
Tiền rừng, bạc bể, moi đào vét-vơ ;
Công hầu mặc kẻ ước-mơ,
Xác khâu da ngựa, xương khô què người.
Thân già chỉ nguyện một nhàn ;
Sống vui đất Tổ, chết ngơi quê nhà.

Không màng đài, gác, dinh, tòa,
Nhà cao, cửa rộng, phù hoa lõe đời.
Săn kho vô tận của giờ,
Hoa thơm, cỏ lạ khoe tươi trước mặt.
Chẳng hơn kia cảnh thị-thành,
Chơi hoa vẽ, chẳng phải tình khát khao.

Ở đây thủy khiết, sơn cao,
Cảnh thanh riêng để người tao bện bầy.
Bụi hồng rû áo từ nay,
Xa đường tục lụy, tới nơi an-nhàn.
Sinh thay tịch-mịch lâm toàn
Người xưa, cảnh cũ, hân-hoan tuổi già.

CÁCH-CHÍ

Cách xếp đặt chữ nho

tiếp theo trang 17

Số giới-điểm của khuôn chữ (le nombre de points de contact du carré calligraphique) sẽ là một phần tử cốt yếu trong cách « hán tự đối số phân loại » (classification logarithmique)

b) Phân-loại theo số khái-lượng (Classifications d'après l'indice de symétrie)

Hán-tự khác chữ tây, chữ quốc-ngữ, không phải chỉ vì cách viết bằng bút sắt hay bút lông, viết từ bên tả hay từ bên hữu. Có một chỗ khác nhau đặc-biệt là hán-tự có nhiều chữ có một đường đối-xúng dọc. Thí-dụ những chữ: 東 西 南 北, 金 木 水 火 土 一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 đều là chữ thông-dụng mà trong 19 chữ có đến 14 chữ cân-đối.

Lại thí dụ như chữ yểu 夭 thượng 上 sự 事 sinh 生 thính 請. Chữ yểu chữ sinh bắt đi một nét phẩy, chữ thượng bắt đi nét ngang con ở trên, chữ sự bắt đi một nửa nét ngoặc 7 chữ thính bắt đi hẳn một nửa: những nét còn lại cũng có một đường đối-xúng dọc như mấy chữ kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Những chữ cân-đối như chữ kim mộc thủy hỏa thổ, và những nét còn lại như chữ sinh bắt nét nhẩy đi, ta sẽ gọi là khái-hoạch, nghĩa là một nét hay nhiều nét có một

đường đối xứng-dọc. (Nous appellerons « isogramme » un trait ou un ensemble de traits présentant un axe de symétrie vertical). Mỗi lần bắt đi như thế, gọi là một chiết-hoạch (unité d'amputation). Vậy ta có thể theo số chiết-hoạch nhiều hay ít mà chia hán-tự ra 10 loại:

1. Không phải bắt đi nét nào: như những chữ cân-đối 金 木 水 火 土

2. Phải bắt đi một chiết hoạch: chiết-hoạch bắt đi như thế có thể là một nét thí-dụ: 生 干, một nửa nét (thí-dụ: 巴, 乙) hoặc một khái-hoạch (thí dụ: 請 惜.)

3. Phải bắt đi hai chiết-hoạch: như chữ 乞, 也, 性, cho đến loại thứ mười:

10 Phải bắt đi từ chín chiết-hoạch giở lên: như chữ 將, 歲.

Những số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 sẽ gọi là khái-lượng hay là khái-số, indice de symétrie. Vậy khái-lượng là một số chiết-hoạch ít nhất phải bắt đi cho hán-tự thành ra khái-hoạch. Nous appellerons indice de symétrie d'un caractère chinois le plus petit nombre d'unités d'emputation qu'il faut enlever à ce caractère pour aboutir à un isogramme. Khái-hoạch phân-loại vừa theo bình dáng vừa theo số nét. Cũng như cách phân-loại theo giới-điểm, trước hết phải chỉnh chữ rồi sau mới tính chiết-hoạch. Thí-dụ chữ huynh, 兄 chữ kiến 見 chữ giác 覺 phải coi như cân-đối.

c) Phân loại theo số liên-hoạch. Classification d'après le nombre d'unités calligraphiques

Liên-hoạch là một nét đứng một mình (liên hoạch đơn), hay

nhiều nét viết thành một mảng không dính-dáng gì đến nét khác hay mảng khác (liên hoạch kép). Thí-dụ:

chữ nhất — đứng một mình, một liên-hoạch.

Chữ nhị 二 hai nét xa-cách nhau, hai liên-hoạch.

Chữ xa 車 viết thành một mảng, một liên-hoạch.

Chữ giang 江 ba nét xa nhau với một mảng, bốn liên-hoạch.

Đếm liên-hoạch dễ hơn đếm nét, vì liên-hoạch ít và dễ phân-biệt hơn nét. Vậy ta có thể theo số liên-hoạch mà phân loại hán-tự. Nhưng cần đặt ra một vài qui-tắc nhất-định để ai nấy đều theo, cho khỏi cái phiền-phức mỗi người đếm một cách:

Lệ thứ nhất: Nét chấm. — Có ba « ca » nét chấm coi như liên với nét bên cạnh:

1. Nét chấm viết trên nét ngang: thí-dụ chữ chủ 主 tính một liên-hoạch.

2. Nét chấm viết đè lên nét khác: thí-dụ chữ hoàn 丸, chữ thái 太, tính một liên-hoạch.

3. Nét chấm bộ miên 宀 bộ huyết 穴 và nét chấm chữ hộ 戶 chữ lương 良 之

Trừ ba ca trên này, bao giờ nét chấm cũng tính riêng, nghĩa là kể làm một liên-hoạch, dù là nét móc có lại cũng thế. Thí-dụ: Chữ mộc 木 một mình tính một liên-hoạch; đứng bên cạnh chữ khác phải tính làm hai liên-hoạch, vì nét chấm tính riêng. 相: ba liên-hoạch vì nét chấm chữ mộc tính riêng.

ĐÀO TRỌNG-ĐU
Còn nữa

1. Bài này tôi viết bằng pháp-văn. Sợ dịch ra quốc-văn không được rõ-ràng, nên có một vài chỗ chép cả nguyên-văn cho thêm minh-bạch.

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM Trịnh - như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại Đông Tây
thư quán

195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Bản sách dân về «Đại-Nam liệt-truyện»

Số 4

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUẢN	TẬP (1)	QUYỀN	TRANG	NÓC HỜ
CỬU 玖 Cao-văn		Biên-hòa	S	15	16a	
CỬU 玖 Đào-văn		Quảng-bình, Lệ-thủy	S	15	20a	
CỬU 玖 Mạc		Hà-tiên	T	6	1a	nguyên người Quảng-đông (Tàu)
35						
CH						
CHÁNH 正 Doãn	tự Thi-vu	Nam-định, Thư-trí	N	29	22b	nay thuộc Thái-bình
CHÁNH 政 Huỳnh		Hà tĩnh, La-sơn	N	33	10a	cũng đọc «Chính»
CHÁNH 正 Lê-xuân		Quảng bình, Lệ-thủy	T	5	37a	»
CHÁNH 政 Lương-văn		Phủ-yên, Tuy-hòa	T	3	18a	»
CHÁNH 李 Nguyễn	tự Thiện-trai	Thừa-thiên	T	4	25a	»ọi Nguyễn dương-Lân
CHÁNH 正 Nguyễn	tự Tử - mẫn, hiệu	Bắc ninh, Gia-bình	N	34	1b	bằng tăng-lỗ
CHÁNH 政 Nguyễn-đức	Trùng-giang	Quảng nam, Diên-phước	N	31	14a	
CHÁNH 李 Trần-thiện		Gia định, Bình-long	N	34	11b	nay là vùng Hóc - mỗ
CHÁNH 李 Trương-văn		Biên hòa, Long-thành	S	15	15b	
CHÁNH 李 Võ văn		Vĩnh long, Vĩnh-trí	S	15	8a	nay là vùng Vĩnh liên
CHẤN 震 Huỳnh	tự Thúc-khởi, hựu tự	Quảng nam, Diên-phước	N	38	4a	(Vĩnh-long)
CHẤN 振 Nguyễn-ngọc	tự Thế-lợi [Tứ-uy	Nghệ an, Đông-thành	N	40	3b	con Nguyễn thế - Kiêu
CHẦN 軫 Nguyễn-thành		Quảng bình, Phong đăng	S	20	3a	lưu ngụ Gia-định
CHẦN 診 Phạm-tấn		Thừa thiên, Hương-thủy	N	36	5a	
CHẤT 質 Lê		Bình định, Phù-mỹ	S	24	—	trộn quyền
CHÂU 週 Bùi-quang	sơ danh Thuận	Quảng trị, Hải-lăng	N	41	2a	cũng đọc «Chu»
CHÂU 周 Lê-mậu	tên cũ Điền	Quảng trị, Vĩnh-linh	N	42	16b	»
CHÂU 珠 Mai-văn		Quảng nam, Hà-đông	S	14	11a	»
CHÂU 周 Ngô-tùng		Bình định, Phù-cát	S	6	18a	»
CHÂU 珠 Nguyễn-hoài		Định tường, Kiến-hòa	S	19	5ab	nay là vùng Chợ gạo
CHÂU 李 Nguyễn-tử		Quảng nghệ, Bình-sơn	S	26	1b	(Mỹ-tho,
CHÂU 李 Nguyễn-văn		Vĩnh long, Vĩnh-bình	S	17	6a	nay là Vĩnh-long
CHÂU 李 Tống-phước		Gia-định	S	14	6b	lở quán là Quý huyện,
CHI 之 Nguyễn-trác	tự Ngộ-học	Bình thuận, An-phước	N	42	15a	Thanh-hóa
CHI 禰 Trần-phước		không biết	S	20	4b	theo vua ra đánh Qu
CHÍ 至 Nguyễn		Quảng nam, Duy-xuyên	N	29	3b	nhơn, chết trong qu
CHÍ 志 Phạm-hữu		dã dương, Đường-hào	N	42	18b	
CHIÊM-THÀNH	cổ Hồ-lôn quốc		S	33	14a	
CHIÊM 占 Nguyễn-khoa		Thừa hiên, Hương-trà	T	5	16b	
CHIẾN 戰 Huỳnh		Bình-định, Tuy-viễn	N	20	12a	
CHIỀU 炤 Nguyễn-huy		Bắc-ninh, Gia-lâm	N	25	19b	
CHIỀU 李 Nguyễn-văn		không biết	S	8	31b	chết trận Ba-thảo (Sóc
CHIỀU 李 Phạm-hữu	tự Huy-phủ	Quảng nam, Diên-phước	N	38	22a	trắng
CHIỀU 李 Tôn-thất		Huế	S	4	12a	
CHƠN 眞 Phạm		Quảng bình, Bình-chánh	N	41	3b	cũng đọc «Chân»
CHÚ 衛 Bùi		Bắc-ninh, Đông-anh	N	43	3a	
CHÚ 注 Phan-huy		Sơn tây, An-sơn	N	18	19b	
					20a	
CHUẨN 準 Trần-văn	tự Trục-chí	Quảng bình, Tuyên-chánh	N	33	23a	huyện Minh-chánh

(1) T. ; Tiền - hiên, S. ; Sơ-tập, N. ; Nhị-tập

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 9 của CHU-THIÊN

Hai nàng tức mình liền gạt kiếm bắt được một ít đồng dao. Lê - Kim vốn là tay võ nghệ giỏi, nên chống đỡ và lẩn bước rất tài tình, làm cho bọn kia thêm rối loạn. Liên-Tường từ khi lấy Trần-Long, thời thường cũng năng luyện tập đao kiếm, ngọn kiếm đánh giữ đã rất ngọt và rất cứng. Sau hồi lâu hai nàng đã cướp được cả khí giới và bắt sống được hai tên. Còn bốn tên kia bỏ chạy cả. Hai nàng chới hai đứa vào hai gốc cây, rồi mặc cho hai đứa lay van, hai nàng nhặt gọn các khí - giới bỏ lại để tựa vào gốc cây. Đoạn hai nàng đi dắt hai con ngựa về đấy, rồi mới quay vào hỏi hai đứa rằng :

— Chúng bay muốn sống hay muốn chết ?

Hai đứa rồi rít lay xin :

— Trăm lay hai phu-nhân, nghìn lay hai phu nhân, xin hai phu-nhân rộng thương, đại xá cho chúng con. Chúng con biết đại đã nhiều, chúng con là đồn binh, xin hai phu-nhân tha cho chúng con về trại kịp hôm nay. Chúng con xin cầu rơm cầu cỏ lay hai phu-nhân. Chúng con xin ghi lòng tạc dạ nhớ ơn đời đời !

Hai nàng cười nói :

— Sao lúc nãy chúng bay không nói thế cho ?

Hai tên càng sợ-hãi thưa :

— Bẩm lay hai phu-nhân, lúc nãy chúng con cả nghe !

— Cả nghe ! Vậy ta bảo có nghe không ?

— Dạ ! Trăm lay hai phu-nhân, hai phu-nhân tha cho chúng con, bảo sống, chúng con xin sống, bảo chết, chúng con xin chết !

Liên-Tường cười nói :

— Đã thế ta cho chúng bay tự chặt lấy đầu !

Hai đứa lè lưỡi sợ-hãi, lại lay tay lấy lay đề. Hai nàng quay ra hỏi ý-kiến nhau xem có nên tha hay giết. Sau cùng đồng-ý với nhau mỗi người quay lại một tên bị chới nói rằng :

— Tên kia, đang lẽ tội mày đáng băm thây ra làm trăm nghìn mảnh. Đã làm đồn binh mà còn đi hà hiếp lương dân ! Nhưng bây giờ tối rồi và ta không muốn nhiều nhời. Vậy ta cắt tai mày đi để cho mày luôn luôn nhớ đến tai cụt mà đừng làm những điều bạo ngược trai phép nữa

Nói xong, hai nàng cầm kiếm cắt soẹt tai của mỗi đứa, vắt xuống bụi cây, rồi cỡi trói ra. Hai nàng còn bảo rằng :

— Đấy, ta cho cả khí-giới đấy, kéo về đồn, mất khí-giới, lại phải giam một gông ! Từ nay thì chừa nhé.

Hai đứa suýt soa lay tạ. Hai nàng lại lên ngựa phóng về. Đi đường Liên-Tường sợ nớ đến lời chúng nó bàn nhau từ trước, hỏi Lê-Kim :

— À quên, ta không hỏi chúng nó xem tại sao chủ nó lại vì ta mà bỏ mạng ?

Lê-Kim đáp :

— Chả chắc có phải những đứa bị bắt nói câu ấy mà hỏi. Vả chúng nó nói láo đấy chứ. Chị em ta có giết ai đâu, và có ai vì ta phải bỏ mạng đâu. Chẳng qua chúng nó thì - hù dọa thế đấy.

Liên-Tường ngẫm - nghĩ một lúc rồi nói :

TRÍ-TÂN TẬP-CHÍ

— Hay là đây tớ nhà Nguyễn-Tân Nguyễn Bái ?

Lê-Kim cười nói :

— Chị cứ nghĩ lần - thân. Không phải đâu. Chúng nó làm gì biết chị !

— Tôi chỉ sợ cha con Nguyễn-Tân Nguyễn-Bái oán, nên mới xui nên như vậy.

— Không nó làm tội ác tày trời, sát hại biết bao nhân mạng, tan nát biết bao gia-đình. Thì nó chết là đáng, chứ còn oán ai. Giết nó, chị lại được phúc đấy chứ. Chả phúc mà nhất-đán lại gặp ngay tôn-tử, rồi còn tìm thấy lão quan nữa. Chị không nên nghĩ quẩn như vậy. Thôi tối đến nơi rồi, đừng nói chuyện nữa. Ta phóng mau mới kịp.

Hai nàng liền giật cương tể nước đại. Không mấy chốc đã về đến đồn doanh Đoài-môn. Lê-Kim lưu Liên-Tường không ở. Vợ chồng Lê - Kim phải phái mười tên quân cưỡi ngựa hộ-tống nàng về.

Đến nhà, Liên-Tường thuật lại cho Trần-Long biết. Trần-Long vừa sợ hãi vừa mừng rỡ, hết sức khen ngợi hai nàng. Và Trần lại đồng-ý với Lê-Kim khuyên vợ không nên nghĩ vơ-vẩn quá mà tổn hai đến tâm-hồn

Rồi bằng đi một dạo, Liên-Tường không còn nhắc đến chuyện ấy nữa, mãi bận vào công việc phụng-duỡng mẹ già và dò tìm tin cha. Chợt một hôm, cách đã hơn một năm, lệnh trên dời đến dưới trướng Trần-Long một viên đồn binh đốc - đồng để giúp việc quan Trấn-thủ. Trong khi tiếp kiến, thấy viên thuộc quan mới của mình mất một tai, Trần - Long sợ nhớ đến chuyện cũ, liền hỏi :

— Thầy đốc-đồng, sao lại còn có một tai ?

Viên kia lễ-phép thưa :

— Dạ, bẩm tướng-quân, hạ chức bị giặc chém mất một tai đấy ạ !

Trần-Long khen :

— Thầy can đảm quá nhỉ ! Có sức khỏe mà lại can đảm như thế, lo gì mà chả chóng cao thăng !

Viên đốc-đồng kia lấy làm thỏa-thích lắm, Trần-Long liền sai lịnh

vào báo với Liên-Tướng trước, rồi ăn-cần mời viên thuộc quan ấy vào chơi trong hậu dinh thưởng trà. Hai người đang vui-vẻ trò chuyện, thì Liên-Tướng ra chào. Viên quan kia trông thấy nàng, thẹn quá mặt đỏ chín lại, không lẽ chạy đi chốn vắng nào được, đành đứng lên chấp tay vái chào :

— Hạ - chức xin lấy chào phu-nhân !

Liên-Tướng tươi-cười đáp :

— Xin chào mừng tướng-quân ạ ?

Trần-Long quay lại nói với Liên-Tướng :

— Đây là quan đốc-đồng Trần-Ngũ mới bổ về cộng-sự với tôi.

Liên-Tướng thông-thả hỏi :

— Thưa quan đốc - đồng, hình như tiên-tý này đã có lần được thừa-tiếp tướng quân ?

Đốc-đồng Trần-Ngũ xấu-hổ thưa :

— Dạ, bẩm phu-nhân, có ạ, hạ-chức được hân-hạnh gặp phu-nhân ở một khu rừng. Trong lúc nguy khốn, được phu-nhân cứu thoát, ơn sâu ấy hạ-chức còn ghi lòng tạc dạ, đến chết cũng không quên ạ !

Trần-Long giả vờ hỏi vợ :

— Lần nào thế ? hử phu-nhân ?

Liên-Tướng đáp :

— Dạ ! thưa tướng-quân, cái lần năm ngoái, tiên-thiếp về tối, đã thừa chuyện lại tướng quân rõ ấy mà !

Trần-Long gật-gù nói :

— À, có !

Viên đốc - đồng Trần - Ngũ thấy người ta rõ hành-vi của mình, xấu hổ quá, ngồi ngẫm-ngẫm cách đối-phó, đang so-sánh lựa chọn : nên xin cái bỏ đi nơi khác hay nên thú tội mà cứ ở lại. Thì Liên-Tướng lại hỏi :

— Thưa quan đốc-đồng, cái buổi chiều hôm ấy, tiên-tý nghe thấy bọn kia nói rằng « *chủ phải bỏ mạng* » là chỉ ai vậy ?

Trần-Ngũ giật mình nhớ lại chính mình nói câu ấy, nhưng vội nói lảng ra rằng :

— Dạ, hạ - chức không nhớ rõ,

Nhưng chắc bọn chúng thì hàng ra vậy đấy, chứ dám chỉ ai !

Trần-Ngũ nói rồi, ngồi im lặng. Nhân đấy hân liên tướng nhớ lại quãng đời trước của hân, khi còn ở với chủ cũ là cha con Nguyễn-Tân. Hân lo sợ nhớ đến những hành-động của Nguyễn-Bái và của hân lúc lập mưu cướp con gái Phan thượng-thư ở Phố Hiến. Hân sợ hãi là vì nhận thấy Trần phu-nhân bây giờ giống Phan tiểu-thư hồi ấy. Nhưng vì hân trông thấy có một lần, trong ánh đuốc đêm tối, nên không nhớ rõ và hân tin rằng Phan tiểu-thư đã chết dưới sông rồi, cả bọn đội tìm không thấy nên hân bớt lo dần và tin chắc cái việc bí - mật ấy chưa một người nào biết đến. Trần phu-nhân đây có lẽ là em tiểu-thư hay là một người xa lạ giống nhau, thì biết thế nào được mưu-mô quỷ-quyết ấy. Hân chỉ còn lo đến cái tội mới đây. Không thú tội mà xin đổi đi chỗ khác, thì rồi việc kìa kia cũng vỡ lở ra còn gì là danh-phận ? Còn gì là công-danh sau này ? Chỉ bằng cứ thú tội một cách khéo léo úp-mở, rồi xin lượng trên che-chở và suy-cử cho, lại chẳng hơn ru ! Hân ngẫm nghĩ quyết chí như vậy ! Cho nên hân rất bình tĩnh khi nghe thấy Trần-Long hỏi :

— Thấy đốc đồng ra làm việc từ bao giờ ?

Hân thông-thả và lễ-phép nói :

— Thưa tướng-quân và phu-nhân, hạ-chức vất-vả lắm. Đường công-danh lận-đận lắm, thăng giáng luôn ạ !

Rồi được đà, hân tiếp :

— Thưa tướng-quân và phu-nhân, hạ-chức bị lật-đật mãi chỉ vì trước kia, tính nết không được thuần, nhiều khi ngông-cuồng làm điều phi pháp, Mà ngông-cuồng cũng không phải do thiên-tính. Chỉ vì thừa trước hạ-chức ở với Nguyễn-Tân và được hầu-hạ Nguyễn-Bái.

Liên-Tướng kinh-sợ run hỏi :

— ... Tướng-quân trước ở với Nguyễn-Bái à ?

Trần - Ngũ đáp rồi cứ kể tiếp, trong khi Liên-Tướng đương đưa

mắt nhìn Trần-Long dò hỏi :

— Bẩm phu-nhân, vâng ạ. Hạ-chức được hầu-hạ Nguyễn-Bái. Chủ làm cầu, tớ cũng đưa làm cầu quen đi. Thành ra bọn thiên nghịch địa, không kiêng nể gì cả. Rồi đột nhiên cả nhà Nguyễn-Bái bị tội chu-di cả. Hạ-chức thành không còn nương tựa vào đâu. Và không biết duyên cớ tội trạng ra làm sao, hạ - chức liền làm sớ khiếu oan với vua Mạc. Vua thương tình, bổ hạ-chức làm vệ-binh trong Mạc-phủ. Ít lâu sau, được thăng làm tinh-binh vệ-dự theo quan đề-đốc Trịnh-Hồng lên Sơn - tây. Lên đây, hạ - chức quen thói cậy quyền hống-hách, bắt nạt nhân-dân, nên khi quan đề-đốc bị gọi về, hạ-chức bị dân kiện phải giáng xuống làm đồn - binh đội-trưởng bổ lên vùng này. Hồi năm ngoái, đi khu rừng gặp phu-nhân, còn quen thói lếu-láo, vô lễ với phu - nhân, may được phu - nhân phóng sớ cho...

Hân ngừng lại cười rồi nói tiếp :

— ... Hôm ấy về, hạ-chức được đặc-cách tư thăng đồn binh vệ-dự, còn một tên nữa được thăng đội - trưởng. Vì bốn tên trước đã chạy về trình với quan trấn-thủ, là bị giặc cướp mất cả khí-giới và bắt hai người. Đến lúc hạ chức dặt tên binh về, quan trấn thủ thấy người có thương-tích và lấy lại được cả khí-giới, liền khen ngợi và bẫm xin thưởng cho. Thật là hai vị phu-nhân đã tái tạo và ngẫu-nhiên lại tác thành cho. Công ơn ấy hạ chức xin ghi nhớ mãi-mãi. Từ đấy hạ-chức nghe lời phu-nhân răn bảo, sửa đổi lại tính-nết, tuân theo phép nước, không dám làm càn, nên mới được tiến đạt như ngày nay. Lại được vào đồn này, sớm hôm dưới trướng tướng - quân, mong báo-đáp chút ơn cao-cả của tướng-quân và phu-nhân. Cái xin tướng quân rộng lòng che-chở cho phạm lười-lách này được nương nhờ nơi bóng cả.

Còn nữa
CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ*Sắp phát hành hai cuốn sách quý***LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM**

Một công trình nghiên cứu và phê-bình về nghệ-thuật, văn học, ngôn ngữ và phong tục của nhà kiến trúc.

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ Đã được ông Tổ (Bác-cổ) và nhiều báo chí Pháp, Nam ngợi khen. (Có in một số sách đẹp giấy bouffant và lệnh chỉ thượng hạng dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa đạo lý triết học Đông - tây như Épicure, Stuart Mill, Ben-tham, Zénon, Épilecte, Auguste Comte, Kant, Schopenhauer, Dur-kheim.....

Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Trang Tử, Mạnh Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, v.v. để tìm lấy một đạo sống chiết-trung, xứng đáng với loài người (Có in một số sách đẹp bằng giấy lệnh chỉ và giấy regist dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

Sách bán gần hết

Giá 2 p. 00

THI-THOẠI

Mua sách, đặt sách, đề : M. LÊ VĂN-HOÈ giám đốc
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis rue Tien Tsin — Hanoi

Mới xuất bản :**DANH NHÂN
VIỆT - NAM**

của PHAN TRẦN-CHỨC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước
mỗi quyển là 0p.30. Không gửi linh hóa
giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ
ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Mới có bán**THĂNG PHƯƠNG**

tiền thuyết giáo dục của

NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

.... Riêng tặng các bậc Phụ - huynh, các
thầy giáo, và các
cậu bé học - sinh
nghịch-ngợm

Sách dày hơn 200 trang — Bìa rất đẹp

— Giá 1 p. 50 Mua một quyển gửi tiền về
trước ; 1 p. 50 + 0 p. 50

cước = 2 p. 00 không bán
linh hóa giao ngân

HÀN-THUYỀN xuất-bản cục

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

**Những sách của
Lê-Thăng xuất bản**

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton

- | | |
|--|------|
| 1-) Tiểu học Việt nam văn phạm
giáo khoa thư Nguyễn-quang - Oánh,
sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25 | |
| 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-
Kim | 2 50 |
| 3-) Grammaire Annamite Trần-trọng-
Kim | 3 50 |
| 4-) Phật lục, Trần-trọng-Kim | 0 80 |
| 5-) De Hanoi à la Courtine Phạm-dự-
Khiêm | 1 50 |

ĐANG TÀI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in
làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt,
toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn,
độc giả nào muốn mua xin gửi trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười yển trở lên
có trừ 15 %.

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi

Administrateur Gérant : Dương Tự-Quán